

.BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH (LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ) TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN**

Giảng viên hướng dẫn	:	ThS. Đặng Thanh Nga
Sinh viên thực hiện	:	Trương Thị Thanh Tiền
Mã số sinh viên	:	2254010034
Khóa học	:	2022-2026
Lớp	:	22KH1

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH (LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ) TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN**

Giảng viên hướng dẫn	:	ThS. Đặng Thanh Nga
Sinh viên thực hiện	:	Trương Thị Thanh Tiền
Mã số sinh viên	:	2254010034
Khóa học	:	2022-2026
Lớp	:	22KH1

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC	
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC SƠ ĐỒ	4
DANH MỤC HÌNH ẢNH	5
LỜI CẢM ƠN	6
LỜI MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP.....	1
1.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1. Những khái niệm về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.2. Nhiệm vụ và vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	2
1.2. Kế toán doanh thu	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	10
1.2.4. Kế toán thu nhập khác	13
1.3. Kế toán chi phí.....	15
1.3.1. Giá vốn hàng bán	15
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính	17
1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng	20
1.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
1.3.5. Kế toán chi phí khác	23
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.5. Những thay đổi của thông tư 99 so với thông tư 200 trong phạm vi đề tài	27
1.5.1. Kế toán doanh thu	27
1.5.2. Kế toán chi phí	29
1.5.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN	33
2.1. Khái quát về công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến.....	33
2.1.1. Quá trình hình thành	33

2.1.2. Quá trình phát triển	33
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến	34
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và hình thức kế toán	35
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến.....	38
2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.....	38
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.....	52
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến	65
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN	68
3.1 Nhận xét về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.....	68
3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.....	68
3.1.2. Kế toán doanh thu	69
3.1.3. Kế toán chi phí.....	70
3.1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	71
3.2. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.....	71
3.2.1. Kế toán chi phí.....	71
KẾT LUẬN.....	1
TÀI LIỆU THAM KHẢO	2
PHỤ LỤC	3

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nội dung đầy đủ
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TSCĐ	Tài sản cố định
3	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
4	BVMT	Bảo vệ môi trường
5	NSNN	Ngân sách nhà nước
6	DN	Doanh nghiệp
7	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
8	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
9	SX	Sản xuất
10	SXKD	Sản xuất kinh doanh

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Hạch toán kế toán doanh thu theo phương pháp bán hàng nội bộ	7
Sơ đồ 2.2. Hạch toán kế toán doanh thu thông qua đại lý trong doanh nghiệp	7
Sơ đồ 2.3. Hạch toán kế toán doanh thu theo phương thức trả chậm (trả góp)	8
Sơ đồ 2.4. Hạch toán kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp	8
Sơ đồ 2.5. Hạch toán kế toán doanh thu công trình xây dựng.....	8
Sơ đồ 2.6. Hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
Sơ đồ 2.7. Hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính	12
Sơ đồ 2.8. Hạch toán kế toán thu nhập khác.....	14
Sơ đồ 2.9. Hạch toán giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	16
Sơ đồ 2.10. Hạch toán giá vốn xây lắp	17
Sơ đồ 2.11. Hạch toán kế toán chi phí tài chính	19
Sơ đồ 2.12. Hạch toán kế toán chi phí bán hàng.....	21
Sơ đồ 2.13. Hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23
Sơ đồ 2.14. Hạch toán kế toán chi phí khác.....	25
sơ đồ 2.15. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
sơ đồ 2.16. Bộ máy quản lý.....	35
sơ đồ 2.17. Bộ máy kế toán.....	36
sơ đồ 2.18. Hình thức kế toán tại công ty.....	37

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện phần mềm MISA.....	38
Hình 2.2. Hóa đơn số 317	41
Hình2.3. Phiếu thu sỏi.....	42
Hình 2.4. Hóa đơn số 299	43
Hình2.5. Giấy báo có.....	47
Hình 2.6. Hóa đơn số 15	50
Hình 2.7. Hóa đơn số 00000594	58

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Kinh tế - chuyên ngành kế toán, những người đã trực tiếp chỉ bảo em những kiến thức trong suốt bốn năm học vừa qua trên ghế giảng đường.

Đặc biệt em xin được bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn tới ThS. Đặng Thanh Nga người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành khóa luận này.

Xin chân thành cảm ơn cảm ơn các anh chị, cô chú trong phòng ban kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng Toàn Tiến đã nhiệt tình giúp đỡ tôi hoàn thành bài khóa luận này.

Xin được gửi lời chúc sức khỏe và hạnh phúc tới tất cả các thầy cô. Xin chúc thầy cô đạt được nhiều thành tựu hơn nữa trong sự nghiệp đào tạo tri thức cho đất nước cũng như trong các công việc nghiên cứu khoa học.

Trân trọng cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày tháng 05 năm 2026

Sinh viên thực hiện

Trương Thị Thanh Tiền

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với nền kinh tế khu vực và thế giới. Điều này tạo ra nhiều cơ hội nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động và phát triển. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Một trong những yếu tố quan trọng góp phần quyết định đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp chính là công tác quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán với vai trò là một công cụ quản lý kinh tế – tài chính quan trọng có nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vị trí đặc biệt quan trọng vì phản ánh toàn diện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán. Thông qua các thông tin do kế toán cung cấp, nhà quản lý có thể đánh giá được tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng có ý nghĩa quan trọng do đặc điểm của ngành xây dựng thường có thời gian thi công kéo dài, chi phí phát sinh ở nhiều giai đoạn và liên quan đến nhiều hạng mục công trình khác nhau. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp sẽ góp phần cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với nhiều công trình và hạng mục thi công khác nhau. Trong quá trình hoạt động, công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý và tổ chức công tác kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao. Tuy nhiên, trên thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được nghiên cứu và hoàn thiện để phù hợp hơn với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, cùng với quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến, em đã lựa chọn đề tài: **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh (lợi nhuận kế toán trước thuế) tại Công ty**

Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- **Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, bao gồm các nguyên tắc, phương pháp hạch toán và tổ chức thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến, bao gồm các hoạt động liên quan đến ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Thời gian nghiên cứu:** Do thời gian và khả năng nghiên cứu có hạn nên đề tài chỉ tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến trong tháng 5 năm 2026.

3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

* **Phương pháp quan sát:** Tiến hành quan sát trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, cách thức tổ chức quản lý và điều hành của Phòng Tài chính – Kế toán, cũng như quy trình luân chuyển chứng từ và cung cấp thông tin giữa các bộ phận trong công ty.

Thông qua đó giúp hiểu rõ hơn về hoạt động kinh doanh của công ty và cách thức thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

* **Phương pháp thu thập dữ liệu:** Là phương pháp thu thập thông tin, tài liệu, chứng từ và sổ sách kế toán để tiến hành nghiên cứu và phân tích thực trạng tại Công ty.

Trong khóa luận, tiến hành thu thập thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến để phân tích thực trạng cũng như đưa ra những giải pháp khắc phục.

* **Phương pháp phỏng vấn:** Đối với phương pháp này, tiến hành phỏng vấn kế toán viên phụ trách các phần hành, kế toán trưởng và một số nhân viên liên quan để tìm hiểu rõ hơn về cách thức hoạt động của công ty cũng như công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Mục đích nhằm thu thập những thông tin liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Một số câu hỏi được sử dụng trong quá trình phỏng vấn như:

- Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Công ty như thế nào?
- Quy trình luân chuyển chứng từ liên quan đến doanh thu và chi phí tại công ty?

- Tình hình thực hiện hạch toán trên phần mềm kế toán?

* **Phương pháp thống kê, phân tích số liệu:** Từ các dữ liệu thu thập được, sử dụng kết hợp phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh... để phân tích dữ liệu. Từ đó đưa ra các kiến nghị gắn liền với thực trạng của công ty.

4. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục bảng, hình, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

Chương 3: Đánh giá và một số giải pháp nhằm cải thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Toàn Tiến

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Những khái niệm về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Theo quy định tại khoản 1 Điều 78 [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) quy định về nguyên tắc kế toán các khoản doanh thu có định nghĩa doanh thu là gì như sau:

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Thu nhập khác

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí

Theo khoản 1 điều 82 - Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí của Thông tư 200/2014/TT-BTC có định nghĩa chi phí như sau:

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Có các loại chi phí sau:

- Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.1.3. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định. Biểu hiện của kết quả kinh doanh là số lãi (hoặc số lỗ)

1.1.2. Nhiệm vụ và vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Nhiệm vụ

Để phát huy vai trò của kế toán như một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu trong doanh nghiệp, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của các loại hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ về số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách và mẫu mã.
- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng bán phù hợp, đảm bảo việc xác định giá vốn chính xác nhằm phản ánh đúng lợi nhuận gộp của doanh nghiệp.
- Theo dõi thường xuyên tình hình biến động của các khoản doanh thu như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- Tổ chức theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ; đồng thời theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu của khách hàng và các chi phí phát sinh trong từng hoạt động của doanh nghiệp.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, đồng thời theo dõi và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.
- Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý trong công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động tiêu thụ và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.2. Vai trò

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý của doanh nghiệp. Việc tổ chức tốt công tác kế toán này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh phát triển, đồng thời giúp hạn chế tình trạng thất thoát hàng hóa. Thông qua việc theo dõi và phản ánh kịp thời, doanh nghiệp có thể phát hiện những mặt hàng chậm luân chuyển để đưa ra biện pháp xử lý phù hợp, góp phần thúc đẩy quá trình luân chuyển vốn.

Bên cạnh đó, ác số liệu do kế toán doanh thu và chi phí cung cấp là cơ sở quan trọng để nhà quản lý doanh nghiệp đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình giá vốn hàng bán cũng như mức lợi nhuận đạt được trong kỳ.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp thường có nhiều mối quan hệ kinh tế với các đơn vị khác như liên doanh, liên kết để thu hút vốn đầu tư hoặc thực hiện các hoạt động vay vốn. Do đó, kế toán không chỉ là công cụ phục vụ cho việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là phương tiện kiểm tra, giám sát của các chủ sở hữu và các đối tượng có liên quan đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp như các nhà đầu tư.

Thông qua các thông tin kế toán về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, các đối tượng này có thể đánh giá được tình hình tài chính cũng như năng lực hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường. Từ đó, họ có cơ sở để đưa ra các quyết định như đầu tư, cho vay hoặc hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp.

1.2. Kế toán doanh thu

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh

- nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng

1. Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
2. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
3. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
4. Những DN nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
5. Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà DN được hưởng.
6. Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì DN ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
7. Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:
 - Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng

- Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và xác định được một cách đáng tin cậy.

8. Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là đã bán nhưng vì lý do về chất lượng, về qui cách kỹ thuật, người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được DN chấp thuận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt

9. Trường hợp trong kỳ DN đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là đã bán trong kỳ và không được hạch toán vào tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên Có tài khoản Phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng.

❖ Ghi nhận doanh thu công trình xây dựng

Theo VAS 15 doanh thu hợp đồng xây dựng không chỉ bao gồm giá trị ghi trong hợp đồng ban đầu mà còn có thể phát sinh các điều chỉnh trong quá trình thực hiện. Cụ thể, doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm:

- Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

❖ Phương thức bán hàng

- **Phương thức bán hàng nội bộ:** Là hình thức hàng hóa được tiêu thụ trong doanh nghiệp của mình (mua bán sản phẩm, hàng hóa giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới với nhau).

- **Phương thức bán hàng thông qua đại lý:** Là hình thức doanh nghiệp giao hàng cho đại lý bán hộ, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi bán được. Đại lý có thể bán theo giá thỏa thuận và hưởng chênh lệch giá hoặc hoa hồng.

- **Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm:** Là phương thức doanh nghiệp bán hàng thu tiền nhiều lần (người mua được trả tiền mua hàng nhiều lần). Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua, sau đó số tiền còn lại sẽ trả chậm sau làm nhiều lần theo như thỏa thuận trong hợp đồng và chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** là hình thức nhân viên bán hàng vừa là người bán và người thu tiền giao hàng cho khách hàng.

❖ phương thức thanh toán

- **Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:** Người mua hàng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho người bán sau khi đã nhận đầy đủ hàng hóa. Hình thức thanh toán này thường được sử dụng đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ....

- **Phương thức thanh toán qua ngân hàng:** Hiện nay phương thức thanh toán qua ngân hàng đối với doanh nghiệp và khách hàng ngày càng phổ biến và đa dạng. Khách hàng có thể thanh toán bằng séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu,...

- **Phương thức thanh toán trả sau:** Cho phép người dùng sử dụng dịch vụ trước và thanh toán toàn bộ chi phí vào cuối chu kỳ (thường là 30 ngày). Các hình thức phổ biến bao gồm ví trả sau (MoMo, VNPAY), hóa đơn điện thoại/điện/nước trả sau, và thanh toán chuyển tiền quốc tế (T/T after shipment). Hình thức này mang lại sự tiện lợi, giúp quản lý chi tiêu và nhận ưu đãi.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

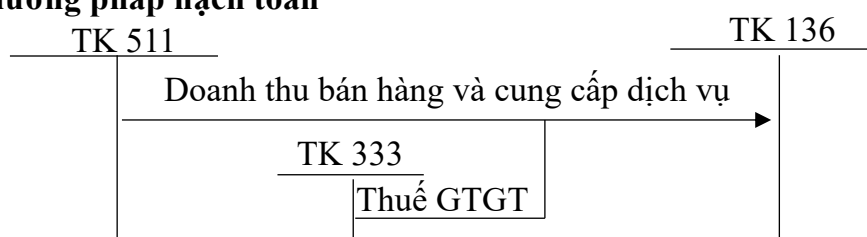
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản

- **Kết cấu tài khoản**

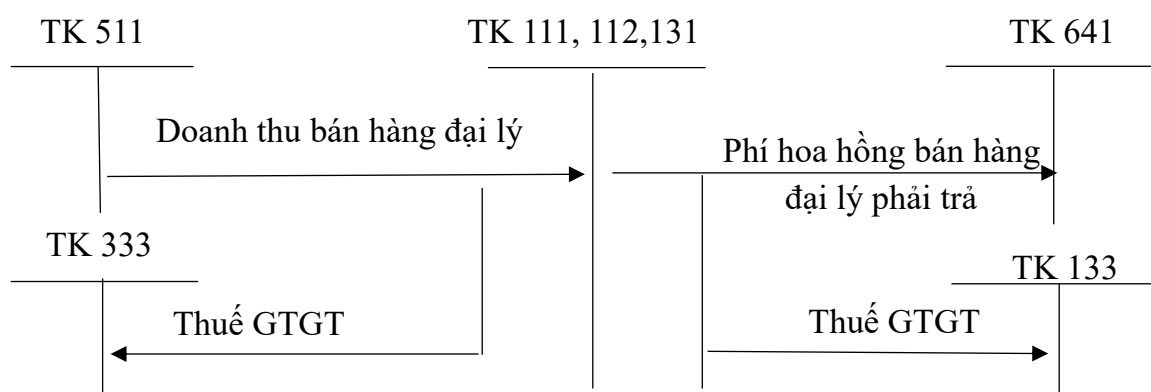
TK 511	
Bên nợ	Bên có
Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của Đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ

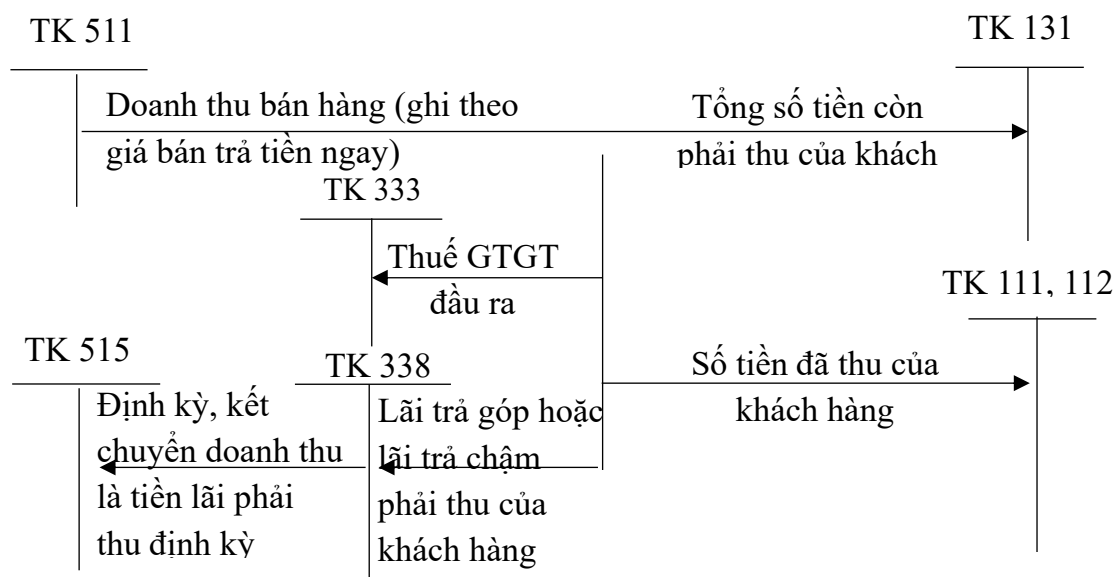
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán



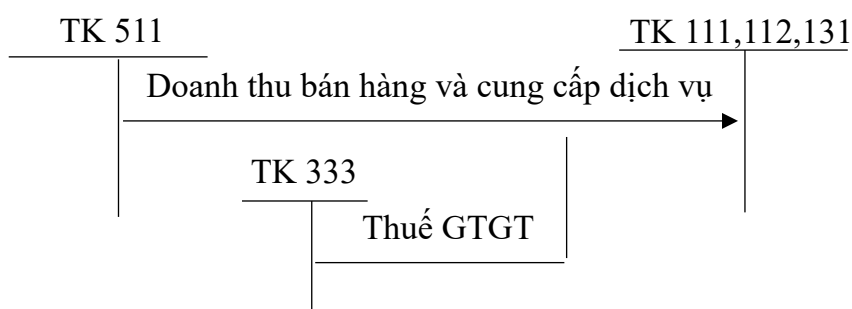
Sơ đồ 2.1. Hạch toán kế toán doanh thu theo phương pháp bán hàng nội bộ



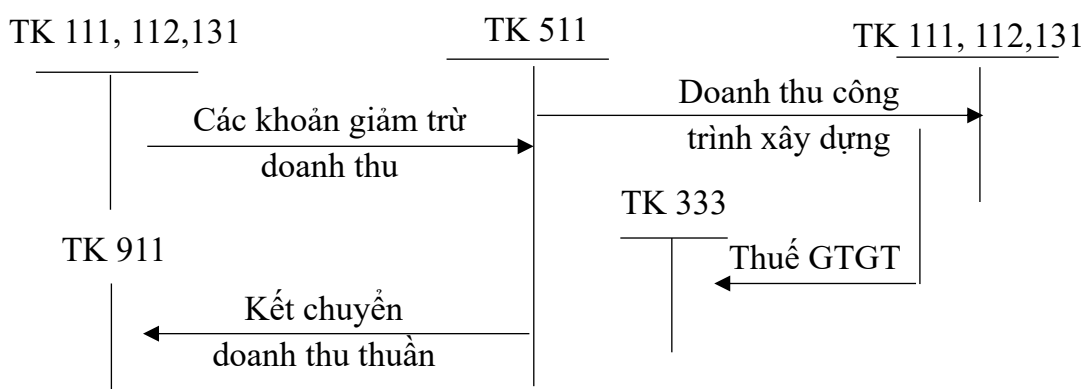
Sơ đồ 2.2. Hạch toán kế toán doanh thu thông qua đại lý trong doanh nghiệp



Sơ đồ 2.3. Hạch toán kế toán doanh thu theo phương thức trả chậm (trả góp)



Sơ đồ 2.4. Hạch toán kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp



Sơ đồ 2.5. Hạch toán kế toán doanh thu công trình xây dựng

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Theo điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Hóa đơn bán hàng)
- Hóa đơn điều chỉnh hoặc biên bản điều chỉnh

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 521 – các khoản giảm trừ doanh thu, tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:**

- *Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

- *Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

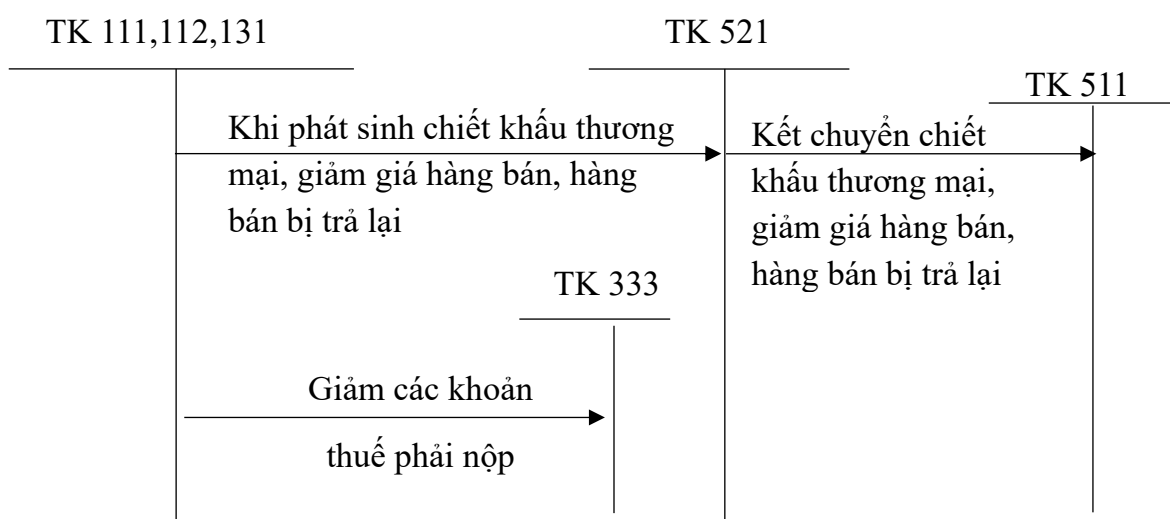
- *Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

- **Kết cấu tài khoản**

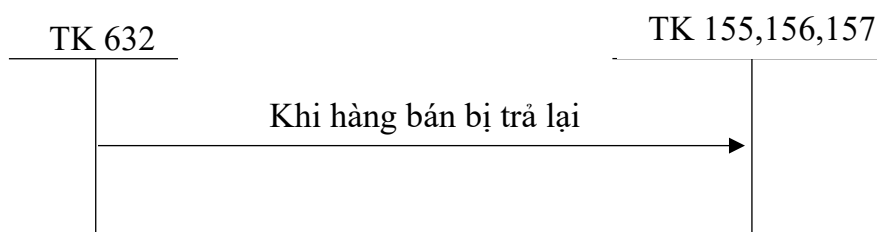
TK 521	
Bên nợ	Bên có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



❖ Khi hàng bán bị trả lại, đồng thời ghi nhận giảm giá vốn



Sơ đồ 2.6. Hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Theo điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng

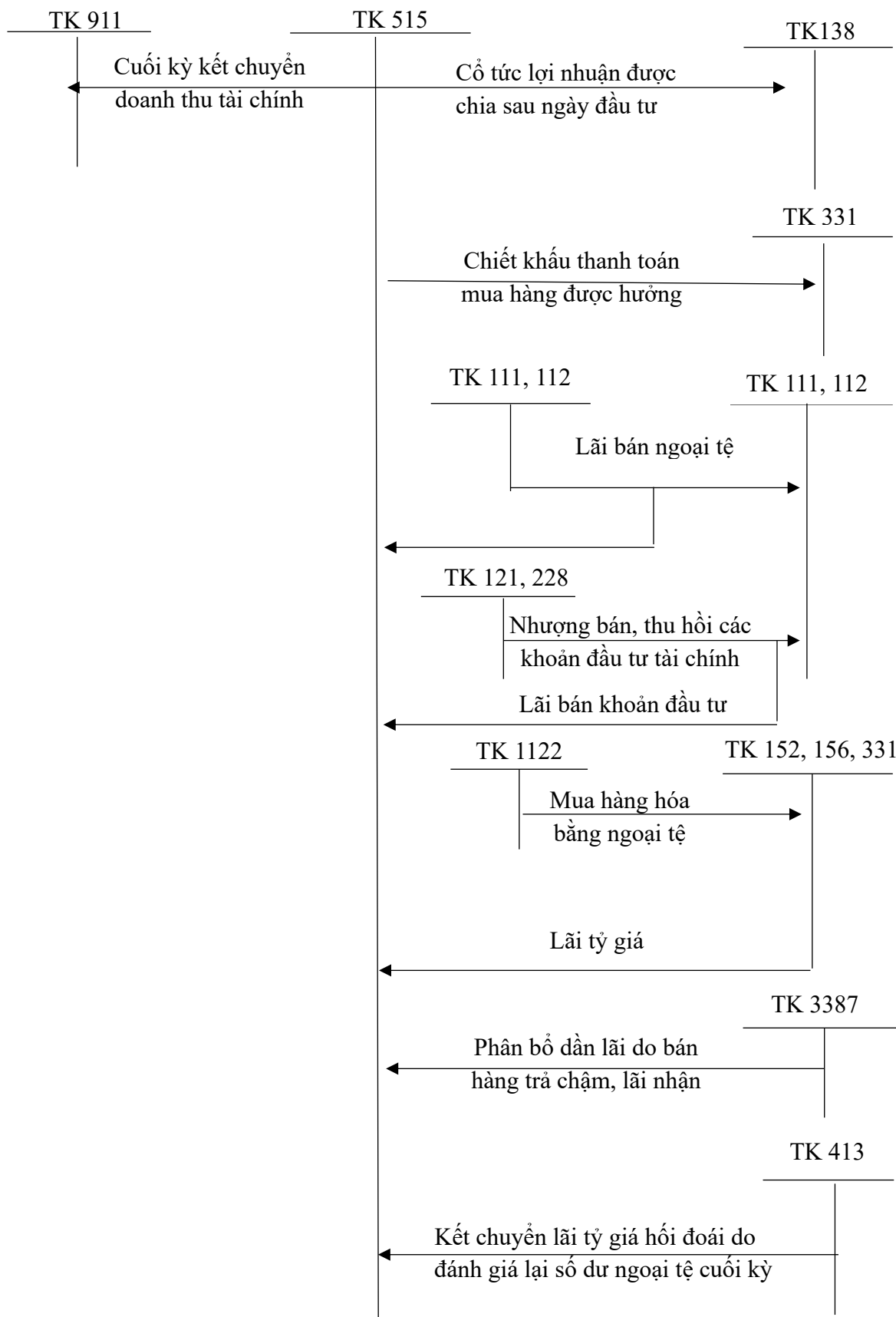
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết cấu tài khoản

TK 515	
Bên nợ	Bên có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.	Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.7. Hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác

Theo điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

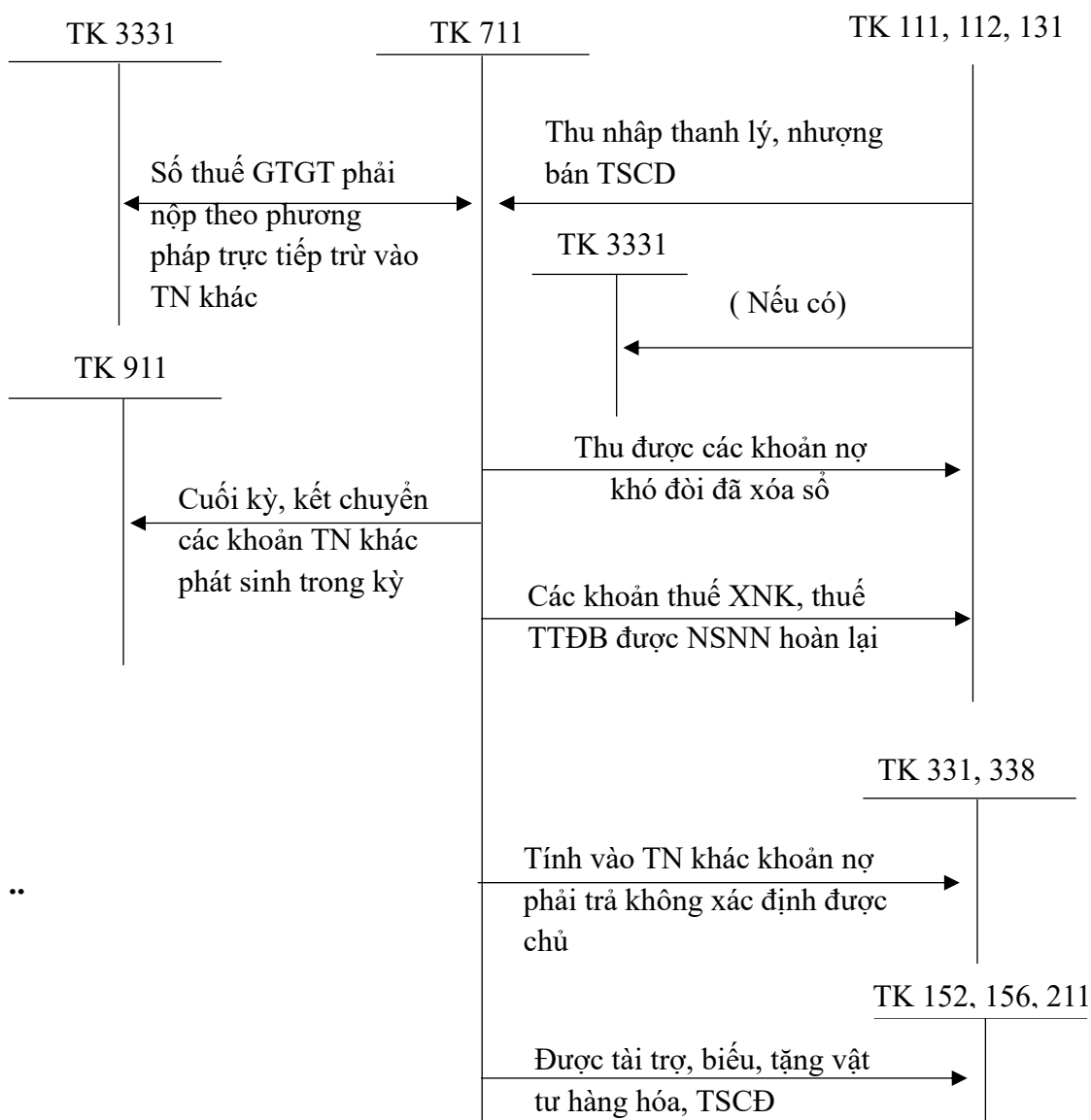
- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**
- **Kết cấu tài khoản**

TK 711

Bên nợ	Bên có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.8. Hạch toán kế toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Theo điều 89 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

❖ Giá vốn công trình xây dựng

Giá vốn công trình (hay giá thành thực tế) là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các chi phí sản xuất thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để hoàn thành một khối lượng xây lắp nhất định. Việc ghi nhận giá vốn thường được thực hiện tại các thời điểm sau:

- Khi công trình hoàn thành toàn bộ và được nghiệm thu, bàn giao
- Khi hoàn thành từng giai đoạn thi công và xuất hóa đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng

Khi công trình hoặc giai đoạn công trình hoàn thành được nghiệm thu và xuất hóa đơn, kế toán thực hiện bút toán phản ánh giá vốn đồng thời với bút toán doanh thu để xác định kết quả kinh doanh. Sử dụng TK 632 (Giá vốn hàng bán) và TK 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang).

- Bút toán ghi nhận:

Nợ TK 632: Trị giá vốn của công trình/hạng mục đã nghiệm thu

Có TK 154: Kết chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang giá vốn

1.3.1.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 632 – giá vốn hàng bán**
- **Kết cấu tài khoản**

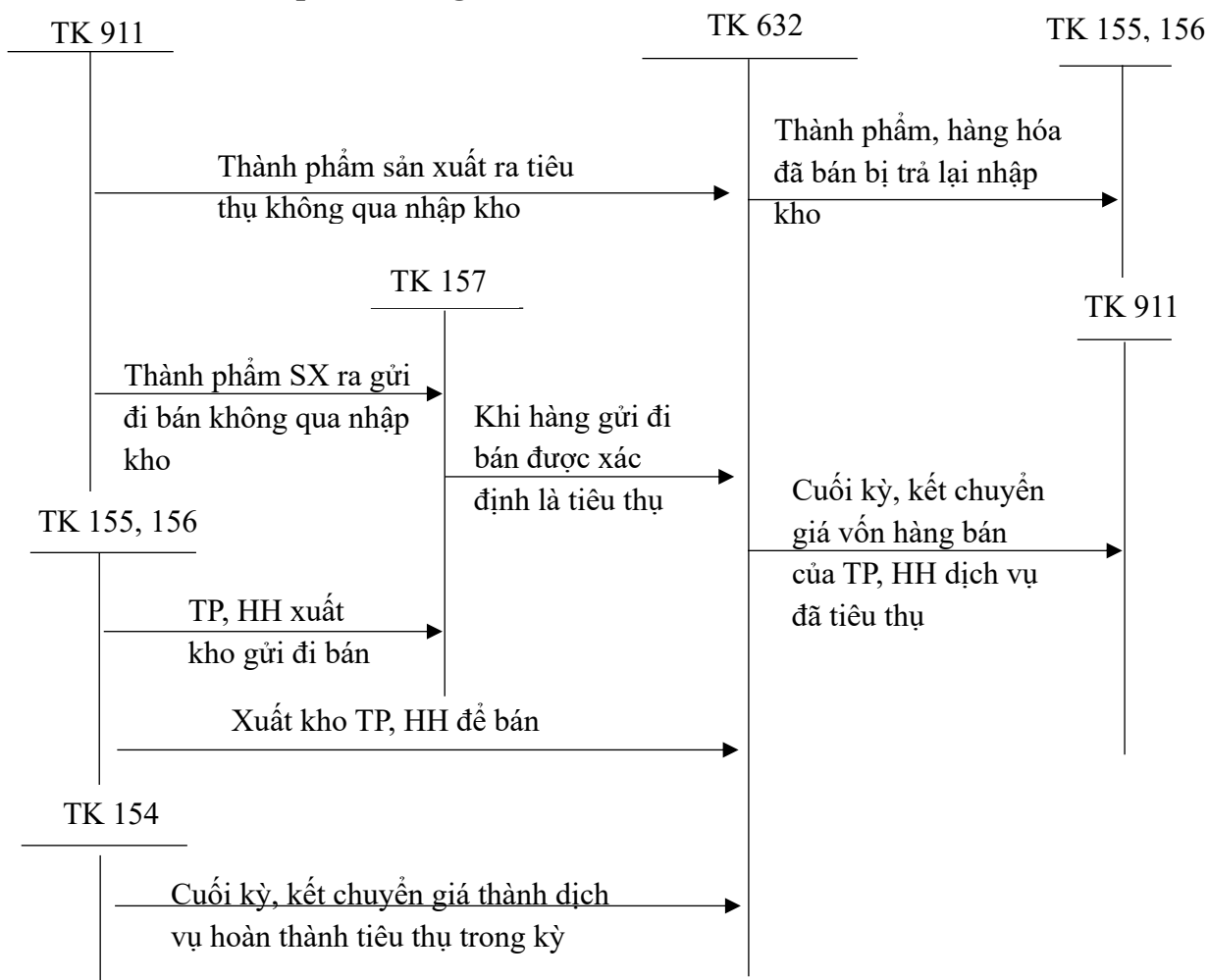
TK 632

Bên nợ	Bên có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán sau khi hàng đã tiêu thụ.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

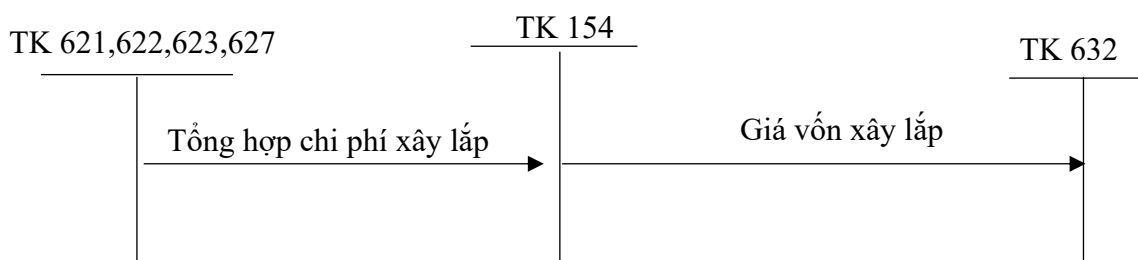
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán

❖ **Giá vốn sản phẩm, hàng hóa dịch vụ**



Sơ đồ 2.9. Hạch toán giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

❖ Giá vốn xây lắp



Sơ đồ 2.10. Hạch toán giá vốn xây lắp

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Nội dung chi phí tài chính

Theo điều 90 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Sổ phụ ngân hàng

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

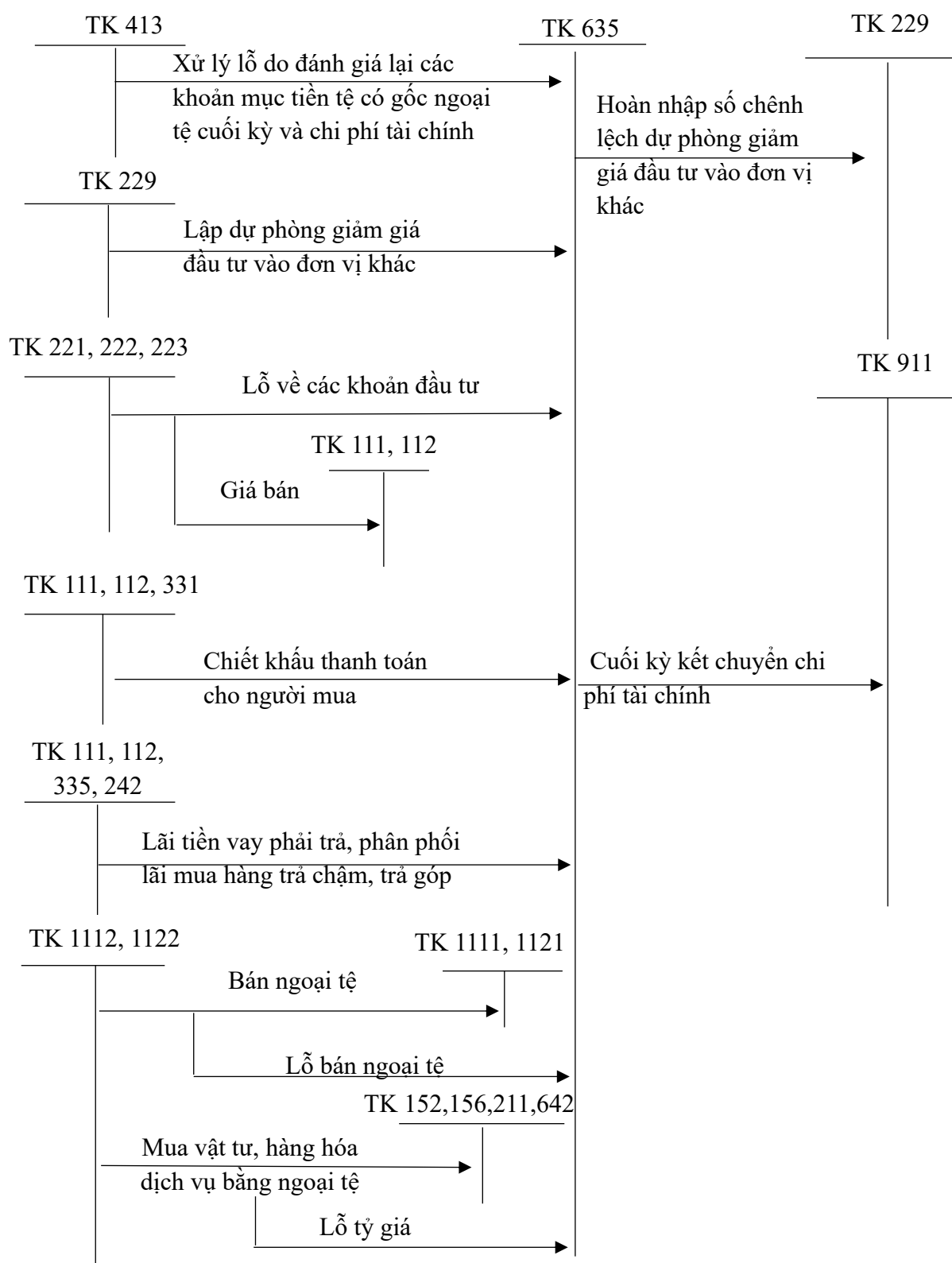
- Tài khoản 635 – chi phí tài chính
- Kết cấu tài khoản

TK 635

Bên nợ	Bên có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.11. Hạch toán kế toán chi phí tài chính

1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng

1.3.3.1. Nội dung chi phí bán hàng

Theo điều 92 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản chi phí bán hàng dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,.....

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

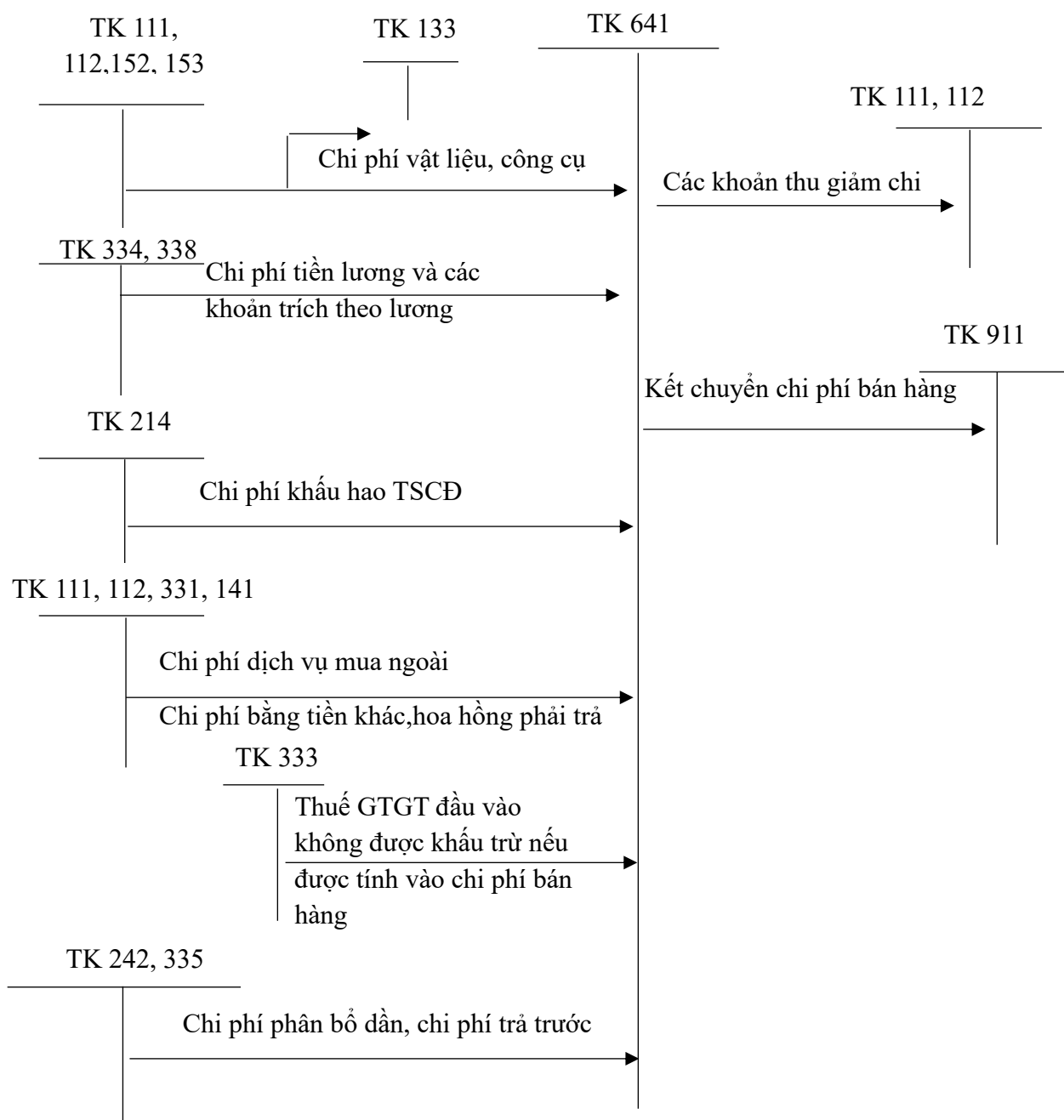
- **Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:**
 - TK 6411: Chi phí nhân viên.
 - TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
 - TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
 - TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
 - TK 6415: Chi phí bảo hành.
 - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền.

- **Kết cấu tài khoản**

TK 641	
Bên nợ	Bên có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.12. Hạch toán kế toán chi phí bán hàng

1.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp

Theo điều 92 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài;

khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương nhân viên, quản lý
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:**

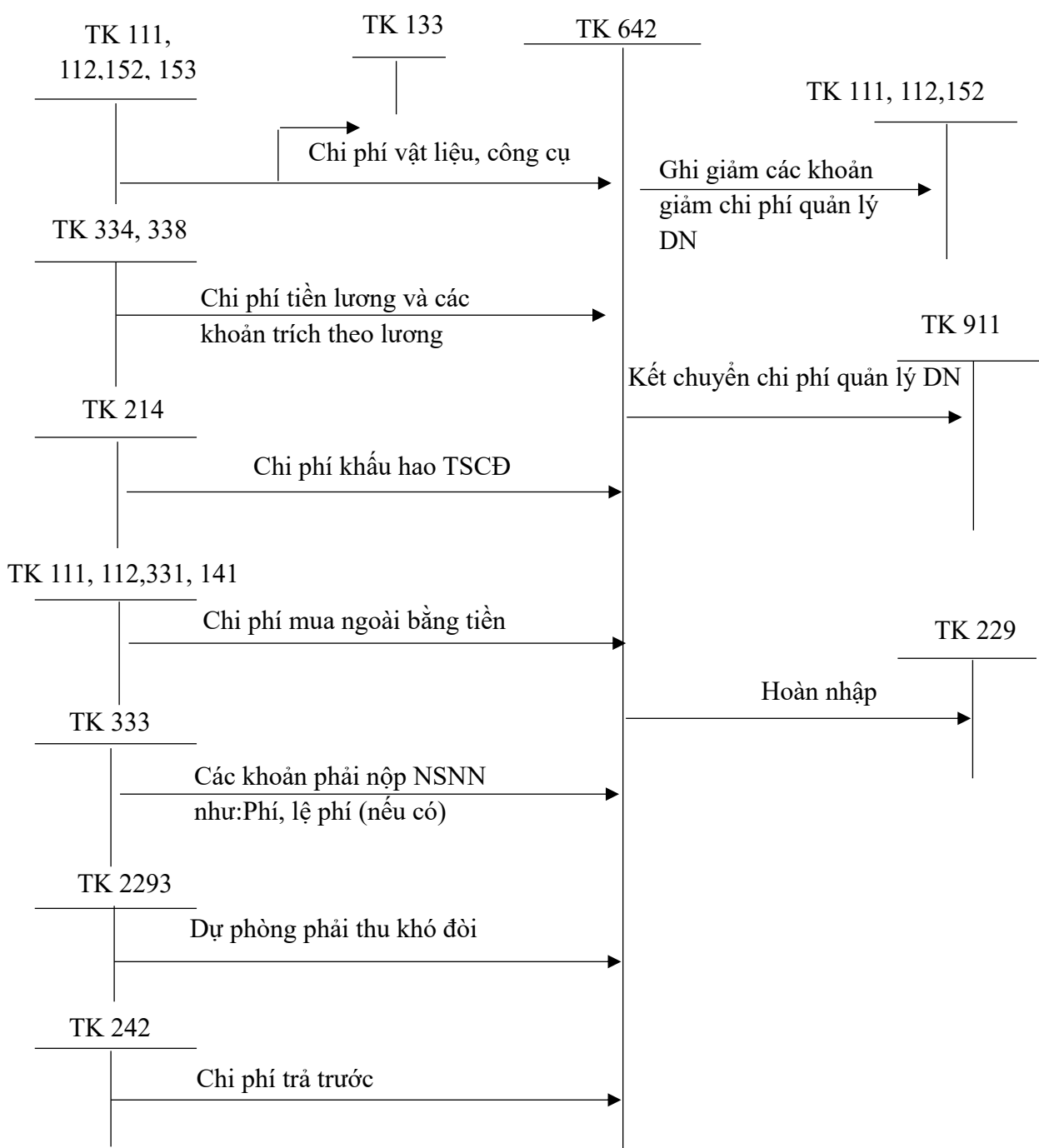
- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng: dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, ...

- **Kết cấu tài khoản**

TK 642	
Bên nợ	Bên có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.13. Hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.5. Kế toán chi phí khác

1.3.5.1. Nội dung chi phí khác

Theo điều 94 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

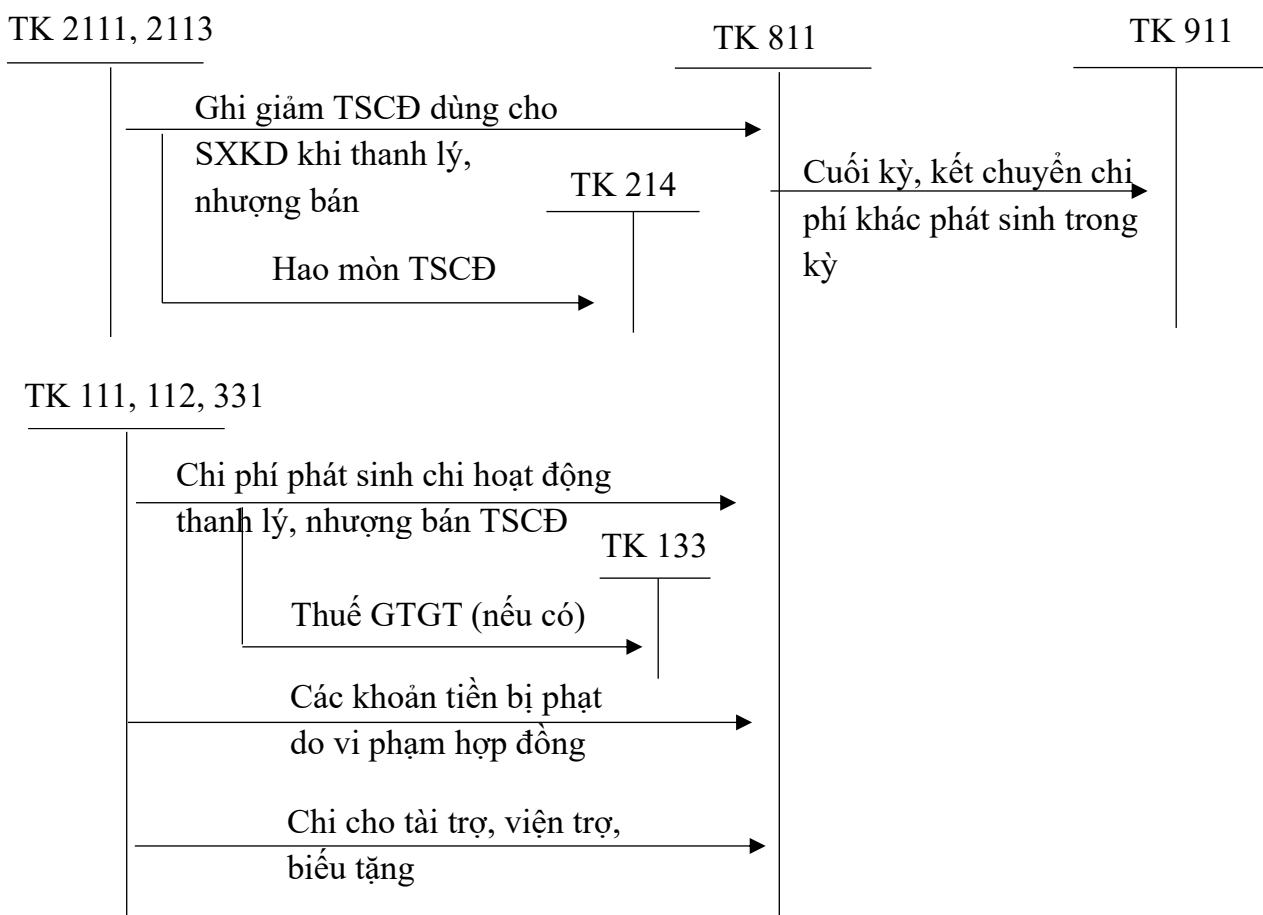
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 811 – chi phí khác**
- **Kết cấu tài khoản**

TK 811	
Bên nợ	Bên có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.14. Hạch toán kế toán chi phí khác

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Theo điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Công thức xác định kết quả kinh doanh**

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp = lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh + lợi nhuận từ hoạt động khác

Trong đó:

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + (doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính) – (chi phí bán hàng + chi phí QLDN)

Lợi nhuận từ hoạt động khác = thu nhập khác – chi phí khác

1.4.2. Tài khoản sử dụng

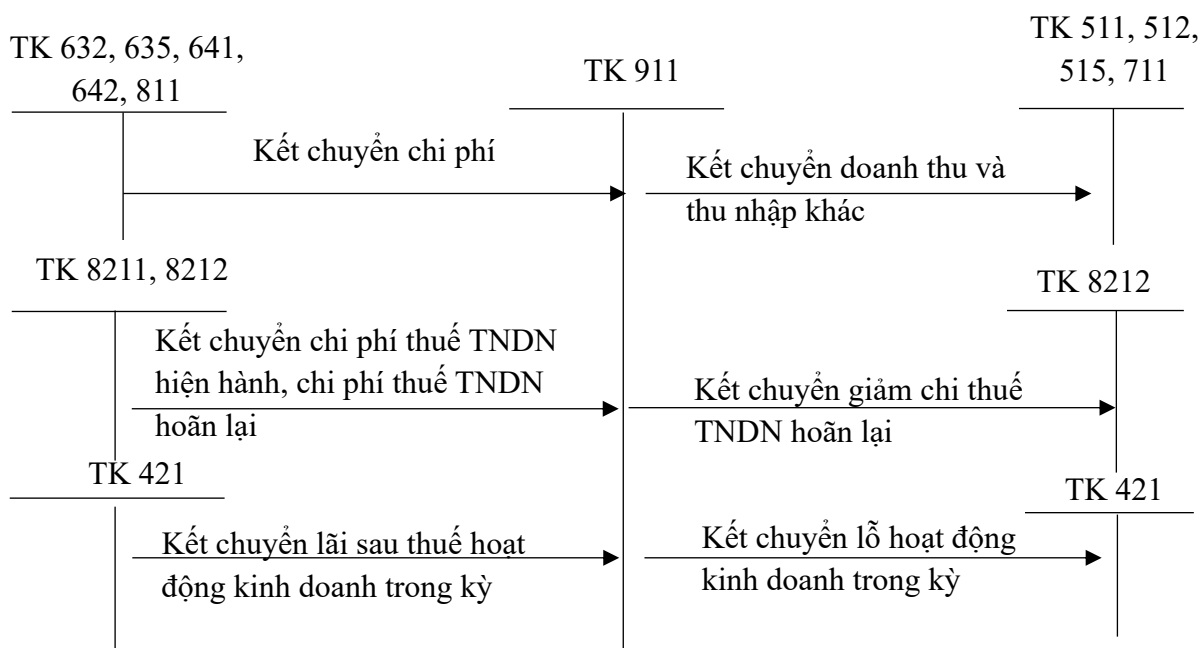
- **Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh**
- **Kết cấu tài khoản**

TK 911

Bên nợ	Bên có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.4.3. Phương pháp hạch toán



sơ đồ 2.15. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.5. Những thay đổi của thông tư 99 so với thông tư 200 trong phạm vi đề tài

1.5.1. Kế toán doanh thu

1.5.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Phạm vi phản ánh doanh thu	Bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, trợ cấp, trợ giá, BĐS đầu tư và doanh thu khác	Mở rộng thêm doanh thu từ "bán quyền được nhận hàng hóa, sử dụng dịch vụ của đơn vị khác"
Hệ thống tài khoản	Quy định cứng 6 tài khoản cấp 2 (5111, 5112, 5113, 5114, 5117, 5118)	Doanh nghiệp tự chủ mở thêm các tài khoản chi tiết tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý (ví dụ tách doanh thu bán hàng, dịch vụ, bán quyền...)
Xác định vai trò (Chủ thể vs Đại lý)	Chưa quy định chi tiết bộ tiêu chí đánh giá quyền kiểm soát để phân biệt	Đưa ra tiêu chí rõ ràng để xác định doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp cung cấp (có quyền kiểm soát trước khi giao) hay chỉ là đại lý/trung gian (không kiểm soát giá, chất lượng)
Bán hàng trả chậm, trả góp	Chênh lệch giá trả chậm và giá trả tiền ngay hạch toán vào TK 3387 rồi kết chuyển dần sang TK 515	Doanh thu ghi theo giá trả tiền ngay; lãi trả chậm ghi nhận vào TK 131 và TK 515 định kỳ

Ghi nhận doanh thu Hợp đồng xây dựng: Cả hai thông tư vẫn duy trì hai phương pháp ghi nhận doanh thu chính cho nhà thầu:

- Theo tiến độ kế hoạch: Ghi nhận doanh thu tương ứng phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định, sử dụng TK 337
- Theo giá trị khối lượng thực tế: Ghi nhận doanh thu khi có xác nhận của khách hàng và phản ánh trên hóa đơn

1.5.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Hệ thống tài khoản	Quy định bắt buộc 3 tài khoản cấp 2: - 5211: Chiết khấu thương mại - 5212: Hàng bán bị trả lại - 5213: Giảm giá hàng bán	Lược bỏ các tài khoản cấp 2 bắt buộc trong danh mục hệ thống tài khoản
Định nghĩa Chiết khấu thương mại	Là khoản giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn	Mở rộng là khoản giảm giá cho khách hàng mua với khối lượng lớn hoặc giá trị lớn
Nguyên tắc điều chỉnh doanh thu kỳ trước	Coi là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán	Coi là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính
Kế toán hàng bán bị trả lại	Quy định chi tiết các bút toán cho cả phương pháp Kê khai thường xuyên (Nợ 154, 155, 156) và Kiểm kê định kỳ (Nợ 611, 631)	Hướng dẫn tổng quát: Nợ các TK 154, 155, 156... / Có TK 632. Việc mở chi tiết tài khoản do doanh nghiệp tự quyết định dựa trên phương pháp kế toán áp dụng
Phân loại theo khách hàng	Phải theo dõi chi tiết cho từng khách hàng và từng loại hàng bán	Duy trì nguyên tắc theo dõi chi tiết cho từng khách hàng và loại hàng bán/dịch vụ

1.5.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Phạm vi các khoản doanh thu	Tiền lãi (cho vay, tiền gửi, trả chậm...), cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi bán ngoại tệ, lãi đầu tư chứng khoán	Bổ sung cụ thể: Chênh lệch giá mua lại trước hạn trái phiếu thấp hơn giá trị ghi sổ; các khoản lãi dồn tích của trái phiếu tính đến thời điểm mua lại
Hình thức nhận cổ tức, lợi nhuận	Tập trung vào cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho giai đoạn sau ngày đầu tư	Mở rộng ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	Phần chênh lệch giá trả chậm và giá trả ngay	Ghi nhận doanh thu bán hàng (TK 511) theo giá

	được treo trên TK 3387 (Doanh thu chưa thực hiện), sau đó mới kết chuyển dần sang TK 515	trả ngay. Định kỳ, lãi được ghi nhận thẳng vào TK 515 (Hạch toán: Nợ 111, 112, 131/ Có 515)
Lãi tiền gửi từ vốn vay xây dựng tài sản	Không bao gồm lãi phát sinh từ đầu tư tạm thời của khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản dở dang theo Chuẩn mực chi phí đi vay	Làm rõ: Không bao gồm lãi từ đầu tư tạm thời của khoản vốn vay riêng biệt dùng cho tài sản dở dang, vì khoản này được giảm trừ trực tiếp vào chi phí đi vay khi vốn hóa

1.5.1.4. Kế toán thu nhập khác

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Phạm vi thu nhập từ quà biếu, tặng	Chỉ nêu chung là quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân	Mở rộng rõ rệt bao gồm quà tặng bằng tiền, hiện vật, cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác
Trường hợp loại trừ khỏi TK 711	Không quy định rõ về các khoản hỗ trợ tăng vốn.	Loại trừ các khoản hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng được ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu theo quyết định của cấp có thẩm quyền
Xác định giá trị tài sản được tặng	Chưa quy định cụ thể phương pháp xác định nếu không có thông tin giá trị.	Cho phép xác định theo giá thị trường , giá của Hội đồng đánh giá tài sản nội bộ hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp ; đồng thời bắt buộc phải thuyết minh trên BCTC

1.5.2. Kế toán chi phí

1.5.2.1. Giá vốn hàng bán

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Phạm vi phản ánh	Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, BĐS đầu tư và giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp	Mở rộng phạm vi phản ánh thêm tài sản sinh học (trừ cây lâu năm và súc vật làm việc là TSCĐ)
Tính linh hoạt của hệ thống tài khoản	Quy định kết cấu tài khoản dựa trên phương	Cho phép doanh nghiệp tự chủ mở thêm các tài

	pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ	khoản chi tiết (như giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ,...) để phù hợp đặc thù quản lý
Hàng tặng kèm/Khuyến mại	Chưa nêu rõ việc ghi nhận giá vốn cho hàng tặng kèm trong nguyên tắc chung của TK 632	Xác định rõ giá vốn bao gồm cả các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tặng kèm khi xuất bán
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	Gồm khấu hao, sửa chữa, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý	Tương tự, nhưng ghi nhận cụ thể chi phí bán BĐSPT vào bên Nợ TK 632 để xác định lãi/lỗ

1.5.2.2. Kế toán chi phí tài chính

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Phạm vi phản ánh	Gồm chi phí lãi vay, lỗ đầu tư, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán, dự phòng giảm giá chứng khoán/đầu tư	Bổ sung cụ thể: Chi phí mua chứng khoán kinh doanh, chi phí đi vay không được vốn hóa, và chênh lệch giá mua lại trái phiếu trước hạn cao hơn giá trị ghi sổ
Chi phí đi vay và phát hành	Chỉ tập trung quy định về chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần	Mở rộng quy định cho cả chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn vay/trái phiếu
Xử lý lỗ khi bán/thu hồi đầu tư	Ghi nhận trực tiếp toàn bộ số lỗ vào TK 635	Ưu tiên sử dụng khoản dự phòng đã trích lập (TK 229) để bù đắp tổn thất trước khi ghi nhận phần lỗ còn lại vào TK 635
Mua hàng trả chậm, trả góp	Lãi trả chậm được treo trên TK 242 (Chi phí trả trước) rồi phân bổ dần vào TK 635	Ghi nhận trực tiếp khoản lãi phải trả từng kỳ vào TK 635 và theo dõi chi tiết trên sổ kế toán tình hình tăng, giảm lãi thay vì treo trên TK 242
Cổ tức cổ phiếu ưu đãi (là nợ)	Ghi nhận vào TK 635 và đối ứng với TK 338 (Phải trả khác)	Ghi nhận vào TK 635 và đối ứng với TK 332 (Phải trả cổ tức, lợi nhuận)
Thời điểm kết chuyển	Cuối kỳ kế toán	Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán

1.5.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Tài khoản 6415	Là Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	Đổi thành Thuế, phí, lệ phí (như tiền thuê đất...) liên quan trực tiếp đến bộ phận bán hàng
Chi phí nhân viên (6411)	Gồm lương, phụ cấp, các khoản trích bảo hiểm và tiền ăn giữa ca	Bổ sung các khoản khen thưởng, phúc lợi nếu hạch toán trực tiếp vào chi phí kinh doanh thay vì chi từ quỹ
Thời điểm kết chuyển cuối kỳ	Thực hiện vào cuối kỳ kế toán	Thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán
Quy trình sửa chữa định kỳ TSCĐ	Hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ từ TK 242	Quy trình chặt chẽ: Tập hợp qua TK 2413, sau đó chuyển sang TK 242 rồi mới phân bổ vào TK 641

1.5.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Phạm vi phản ánh (Thuế/Lệ phí)	Gồm chi phí về tiền thuê đất, thuế môn bài	Gồm tiền thuê đất của bộ phận quản lý, lệ phí môn bài
Chi phí nhân viên (TK 6421)	Phản ánh tiền lương, phụ cấp, các khoản bảo hiểm của ban giám đốc và nhân viên văn phòng	Bổ sung: Các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên quản lý nếu doanh nghiệp hạch toán trực tiếp vào chi phí kinh doanh (không chi từ quỹ)
Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427)	Bao gồm cả chi phí trả cho nhà thầu phụ	Loại bỏ nội dung về chi phí nhà thầu phụ khỏi định nghĩa tài khoản này
Chi phí dự phòng (TK 6426)	Phản ánh dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng phải trả	Tập trung vào dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp
Kế toán sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ	Phân bổ trực tiếp từ TK 242 (Chi phí trả trước) vào TK 642	Quy trình chi tiết hơn: Tập hợp qua TK 2413 (Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ), sau đó chuyển sang TK 242 (Chi phí chờ phân bổ) rồi mới phân bổ vào TK 642

Xử lý Thuế GTGT đầu vào	Thuế GTGT không được khấu trừ phải tính vào chi phí quản lý	Thuế GTGT không được khấu trừ liên quan đến bộ phận quản lý tính vào chi phí quản lý
Thời điểm kết chuyển cuối kỳ	Thực hiện vào cuối kỳ kế toán	Thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán

1.5.2.5. Kế toán chi phí khác

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Bản chất tài khoản	Phản ánh chi phí từ các sự kiện hoặc nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp	Phản ánh chi phí từ các sự kiện hoặc nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp
Phạm vi phản ánh đối với TSCĐ	Bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ, thanh lý, nhượng bán	Mở rộng phạm vi bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ bị tháo dỡ, di dời, thanh lý, nhượng bán
Xử lý tháo dỡ, di dời/phá dỡ TSCĐ	Chỉ đề cập đến trường hợp phá dỡ TSCĐ	Đề cập cụ thể đến việc tháo dỡ, di dời TSCĐ
Thời điểm kết chuyển cuối kỳ	Thực hiện vào cuối kỳ kế toán	Thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán
Nguyên tắc thuế TNDN	Chi phí không được trừ theo luật thuế nhưng đúng chế độ kế toán thì vẫn hạch toán, chi điều chỉnh khi quyết toán thuế	Duy trì nguyên tắc không ghi giảm chi phí kế toán đối với chi phí không được trừ, chỉ điều chỉnh khi quyết toán thuế

1.5.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tiêu chí	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thông tư 99/2025/TT-BTC
Định nghĩa kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Là chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (bao gồm cả giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. <i>(Định nghĩa ngắn gọn hơn).</i>
Nguyên tắc hạch toán chi tiết	Yêu cầu phải hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (sản xuất, thương mại, dịch vụ, tài chính...) và theo từng sản phẩm, ngành hàng	Doanh nghiệp chủ động tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý để hạch toán chi tiết theo loại hoạt động hoặc loại sản phẩm, dịch vụ

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN

2.1. Khái quát về công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến

2.1.1. Quá trình hình thành

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến là doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành, với loại hình công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.

Ngày 09/04/2015 Công ty được ra đời và chính thức đi vào hoạt động.

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
- Tên viết tắt: C.TY CPXD TOÀN TIẾN
- Mã số thuế: 4001023906
- Địa chỉ: 100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam
- Người đại diện: TRỊNH HÙNG VƯƠNG
- Điện thoại: 0913559171
- Tài khoản số: 3311101310007 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Quảng Nam.
- Ngày hoạt động: 09/04/2015
- Quản lý bởi: Thuế thành phố Đà Nẵng

2.1.2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4001023906 do cơ quan có thẩm quyền cấp ngày 09 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 11 tháng 12 năm 2023. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cụ thể kinh doanh trong các ngành nghề sau:

Mã	Ngành
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Ngành nghề chính)
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
4101	Xây dựng nhà để ở

4212	Xây dựng công trình đường bộ
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4291	Xây dựng công trình thủy
4292	Xây dựng công trình khai khoáng

Trong giai đoạn đầu, công ty chủ yếu tham gia thi công các công trình quy mô vừa và nhỏ tại địa phương, từng bước tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng thi công. Với phương châm hoạt động uy tín – chất lượng – hiệu quả, công ty đã dần khẳng định được vị thế trên thị trường xây dựng.

Từ năm 2018 đến nay, Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân. Công ty đã tham gia thi công nhiều công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến đã từng bước khẳng định uy tín, xây dựng thương hiệu vững chắc trong lĩnh vực xây dựng, trở thành đối tác tin cậy của nhiều khách hàng và doanh nghiệp.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến

2.1.3.1. Chức năng của công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến là doanh nghiệp hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và tài khoản tại ngân hàng theo quy định. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng và kinh doanh vật liệu, thiết bị xây dựng, đồng thời chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và sự quản lý của cơ quan chức năng tại địa phương.

2.1.3.2. Nhiệm vụ của công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến có nhiệm vụ tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Mở rộng thị trường, tìm kiếm và triển khai các dự án xây dựng, kinh doanh vật liệu và thiết bị trong ngành xây dựng theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

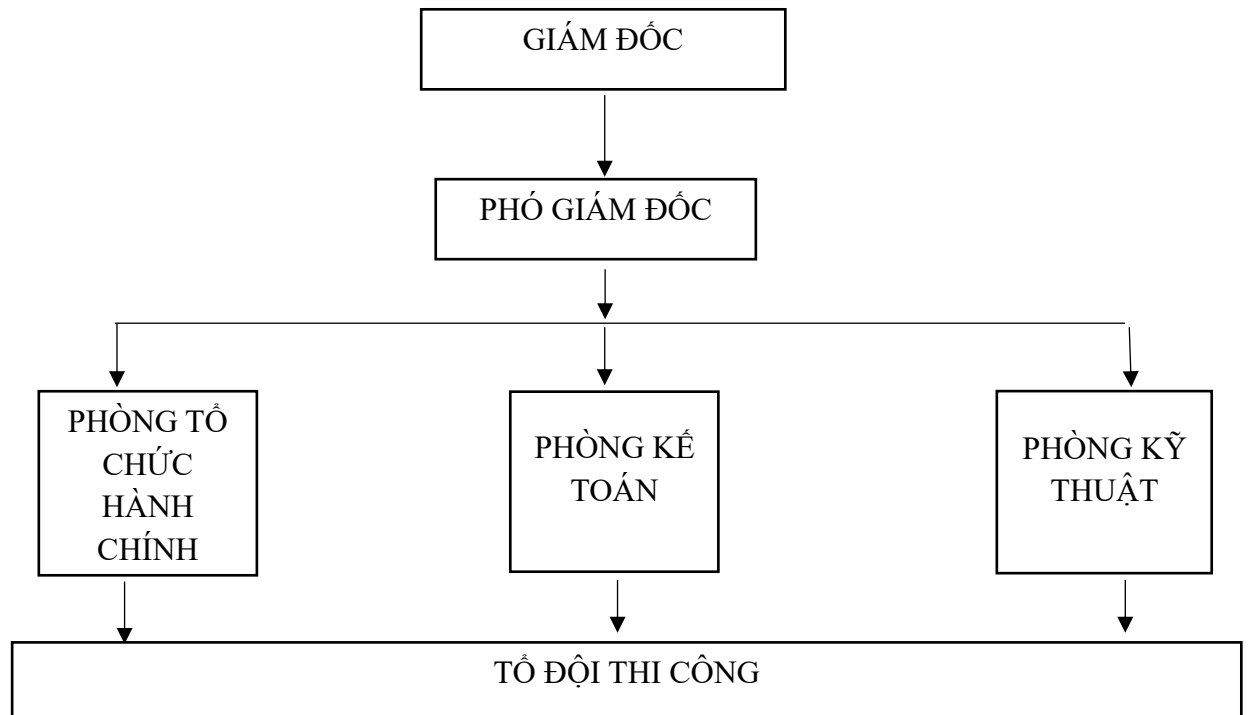
Thực hiện đúng chế độ hạch toán, kế toán, thống kê, báo cáo; chấp hành sự quản lý của các cơ quan chức năng.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức, đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển công ty bền vững.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và hình thức kế toán

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy quản lý

a. Sơ đồ bộ máy quản lý



sơ đồ 2.16. Bộ máy quản lý

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận

- **Giám đốc:** Ông Trịnh Hùng Vương là người đứng đầu của công ty, là người điều hành cấp cao nhất trong công ty. Chịu trách nhiệm về các mặt hoạt động của công ty trước pháp luật hiện hành.

- **Phó giám đốc:** Là người hỗ trợ Giám đốc quản lý và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp. Tùy thuộc vào sự phân công, họ trực tiếp phụ trách các mảng kỹ thuật, dự án hoặc kinh doanh, chịu trách nhiệm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả của các công trình.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Có nhiệm vụ tuyển dụng, điều động nhân sự đi công trường, quản lý lương thưởng, bảo hiểm và an toàn lao động. Đồng thời, phòng còn quản lý con dấu, hồ sơ thầu, thủ tục pháp lý và cung ứng trang thiết bị, đảm bảo toàn bộ hệ thống từ văn phòng đến dự án vận hành trơn tru

- **Phòng kế toán:** Có nhiệm vụ theo dõi, ghi nhận chi phí, doanh thu, giá thành gắn với từng công trình và giai đoạn thi công. Mục tiêu là kiểm soát chi phí, quản trị dòng tiền cũng như đánh giá hiệu quả dự án, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định kế toán – thuế để hỗ trợ ra quyết định quản trị.

- **Phòng kỹ thuật:** Là bộ phận có chức năng tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm của công ty. Đồng thời, bộ phận này thực hiện thu thập, tổng hợp các thông tin cần thiết để lập kế hoạch điều phối vật tư, vận chuyển và các nguồn lực khác, nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất và thi công.

- **Tổ đội thi công:** Trực tiếp tham gia vào thi công các công trình mà đội mình được giao, hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng.

2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán được công ty áp dụng

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ 01/01, kết thúc tại ngày 31/12 hằng năm

- Công ty áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22/12/2014.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

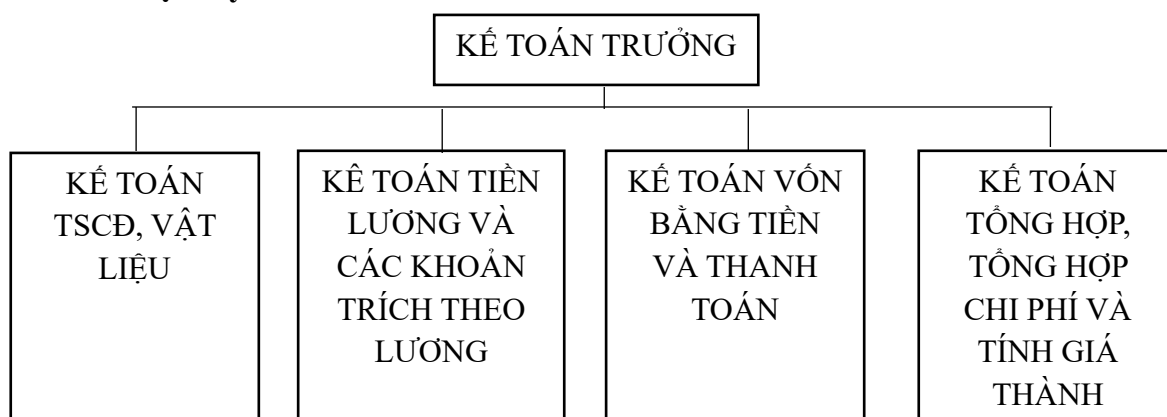
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân cuối kỳ (cuối tháng)

- Phương pháp trích khấu hao tài sản cố định: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

2.1.4.3. Tổ chức bộ máy kế toán

a. Sơ đồ bộ máy kế toán



sơ đồ 2.17. Bộ máy kế toán

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận

- **Kế toán trưởng:** Có chức năng giúp Giám đốc Công ty tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế ở Công ty theo cơ chế quản lý mới, đồng thời làm nhiệm vụ kiểm soát kinh tế - tài chính của Nhà nước tại Công ty.

- **Kế toán TSCĐ, Vật tư:** Kế toán vật tư và tài sản cố định có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập, xuất và tồn kho của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt

động thi công xây dựng của doanh nghiệp. Bộ phận này thực hiện kiểm tra chứng từ nhập – xuất kho, ghi chép sổ chi tiết vật tư, đối chiếu số liệu với thủ kho nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ vật tư.

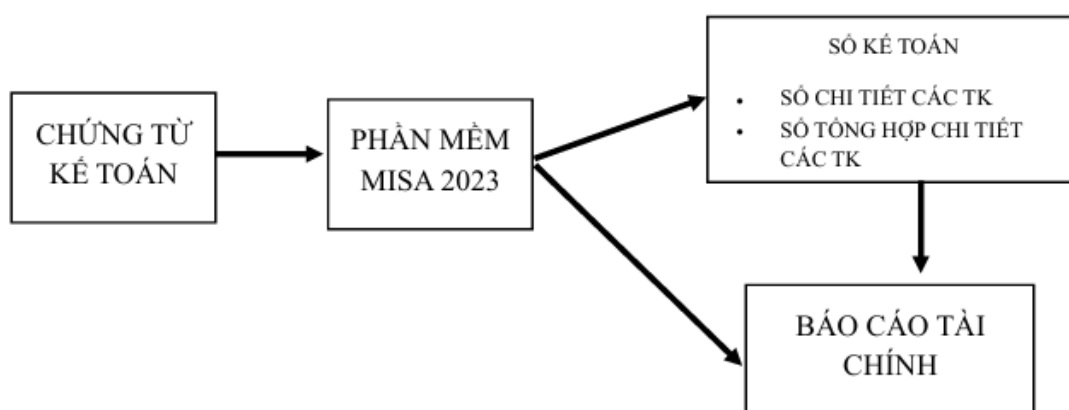
- **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:** Dựa vào bảng chấm công hàng ngày và bảng kết quả công việc, kế toán tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản trích, phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung.

- **Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán:** Kế toán vốn bằng tiền có nhiệm vụ theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp. Bộ phận này lập và kiểm tra các chứng từ liên quan như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có; đồng thời ghi chép vào sổ kế toán theo đúng quy định.

- **Kế toán tổng hợp, tổng hợp chi phí và tính giá thành:** Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ tập hợp toàn bộ số liệu kế toán từ các phần hành kế toán khác để ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Đối với doanh nghiệp xây dựng, kế toán còn thực hiện việc tập hợp chi phí sản xuất theo từng công trình, hạng mục công trình và tiến hành tính giá thành công trình theo quy định. Ngoài ra, kế toán tổng hợp còn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của ban giám đốc và cơ quan quản lý nhà nước.

2.1.4.4. Hình thức kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính bằng phần mềm Misa SME 2023 và kết xuất dữ liệu theo hình thức Sổ “Nhật ký chung” như sau:



sơ đồ 2.18. Hình thức kế toán tại công ty

Hằng ngày, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán như hóa đơn GTGT mua vào, hóa đơn GTGT bán ra, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, sổ phụ ngân hàng và kiểm tra được làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có sau đó nhập dữ liệu vào Phần mềm MISA SME 2023 theo các phân hệ trên máy tính với các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên các sổ tổng hợp và sổ chi tiết có liên quan.

Cuối năm hoặc cuối kỳ kế toán, kế toán sẽ thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí sau đó sẽ thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Phần mềm sẽ tự động kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra số liệu, đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã được in ra giấy và để các bộ phận liên quan ký duyệt sau đó đính kèm cùng chứng từ gốc và lưu trữ theo đúng quy định.



Hình 2.1. Giao diện phần mềm MISA

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến

2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, với nguồn doanh thu chủ yếu đến từ việc thi công các công trình công nghiệp, dân dụng và kỹ thuật hạ

tăng. Bên cạnh đó, Công ty còn có thêm nguồn doanh thu từ hoạt động kinh doanh và bán vật liệu xây dựng.

- Phương thức bán hàng: Bán hàng trực tiếp
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt và chuyển khoản

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 5111, 5113, 5118

c. Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 5111 - Doanh thu bán hàng: Tài khoản này theo dõi doanh thu cung cấp vật tư, các nguyên vật liệu xây dựng như cát, sỏi,

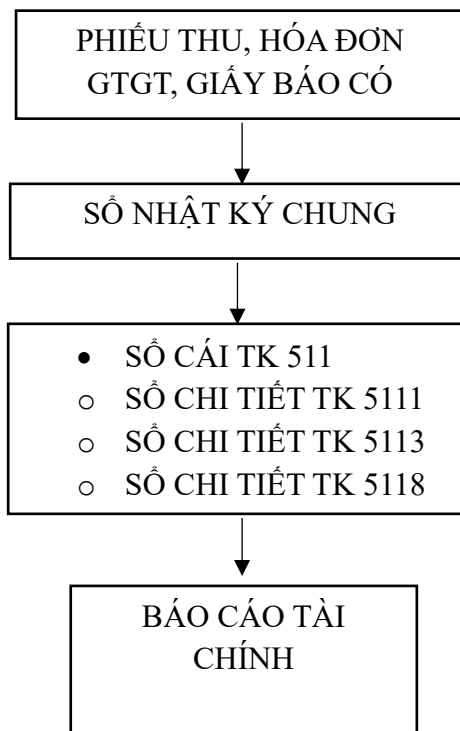
+ TK 5113 – Doanh thu xây lắp: Tài khoản này theo dõi doanh thu của các công trình xây lắp như cầu, đường, nhà ở, đập, hồ chứa nước,...

+ TK 5118 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này theo dõi doanh thu từ dịch vụ cho thuê ca máy (Vì TK 5118 em không tiếp cận được nên không có trình bày)

d. Trình tự ghi sổ

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và giấy báo Có, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ, sau đó xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có. Tiếp theo, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm MISA SME 2023 theo các phân hệ và biểu mẫu đã được thiết lập sẵn.

Sau khi nhập liệu các chứng từ phát sinh, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán có liên quan.



e. Nghiệp vụ minh họa

Nghệp vụ 1: Ngày 4 tháng 12 năm 2025 công ty cung cấp sỏi cho khách hàng là CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VƯƠNG TIẾN với số tiền chưa thuế GTGT 10% là 2.090.909,1, theo hóa đơn GTGT số 317 được thanh toán bằng tiền mặt



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (date) 04 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): **1C25TTT**
Số (No.): **317**

Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
Mã số thuế (Tax code): 4001023906
Địa chỉ (Address): 100 Hồ Nghinh, Phường Tân Thạnh, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Điện thoại (Phone number): 0905 377 697
Số tài khoản (Account No.): 56210002123811 **Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quảng Nam**

Họ tên người mua hàng (Buyer name):
Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VƯƠNG TIẾN
Mã số thuế (Tax code): 4001145291
Địa chỉ (Address): Thôn Phái Đông, Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK **Số tài khoản (Account No.):**
Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Sỏi	M3	10	209.090,91	2.090.909,1
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.090.909,1
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT Amount):		209.091
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					2.300.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu ba trăm nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)
Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
Ký ngày 04/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Vietel), MST: 0100109106

Truy cập hóa đơn điện tử tại Website: <https://invoice.vietel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí

mã: 0AE1L2TX294TLUQ. Mã của cơ quan thuế: 00E1E0FFB13E79470B9C9E4E330E987A5B

Hình 2.2. Hóa đơn số 317

Hóa đơn được thanh toán bằng tiền mặt, được thể hiện qua phiếu thu:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng,
Việt Nam

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 4 tháng 12 năm 2025

Quyển số: ..01..
Số:..PT 01.....
Ng: ..111
Cố:..131.....

Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VƯƠNG TIẾN
Địa chỉ: Thôn Phú Đông, Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Lý do nộp¹: Thanh toán hóa đơn 317
Số tiền²: 2.300.000 (Viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm nghìn đồng

Kèm theo³:.....Chứng từ gốc:

Ngàythángnăm 2023

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....
+ Tỷ giá ngoại tệ⁴ (vàng bạc, đá quý):.....
+ Số tiền quy đổi:.....
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.3. Phiếu thu sỏi

Nghiệp vụ 2: Ngày 07 tháng 11 năm 2025 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN – QUỸ ĐẤT HUYỆN BẮC TRÀ MY thanh toán giá trị hoàn thành theo hồ sơ thanh toán đợt 1. Gói thầu: Cầu bê tông đi Tak Lây. Theo hợp đồng số: 008/2025/HĐ-XL ngày 08/7/2025



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 07 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1C25TTT

Số (No.): 299

Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN

Mã số thuế (Tax code): 4001023906

Địa chỉ (Address): 100 Hồ Nghinh, Phường Tân Thạnh, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0905 377 697

Số tài khoản (Account No.): 56210002123811 **Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quảng Nam**

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN – QUỸ ĐẤT HUYỆN BẮC TRÀ MY

Mã số thuế (Tax code): 4000554439

Địa chỉ (Address): Xã Trà Sơn, huyện Bắc Trà My, Quảng Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản **Số tài khoản (Account No.):**

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Giá trị khối lượng hoàn thành theo hồ sơ thanh toán đợt 1. Gói thầu: Cầu bê tông đi Tak Lây. Theo hợp đồng số: 008/2025/HĐ-XL ngày 08/7/2025.				196.991.667
Cộng tiền hàng (Total amount):					196.991.667
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT Amount):			15.759.333
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					212.751.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Ký bởi CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
Ký ngày 07/11/2025

Người bán hàng (Seller)

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
Ký ngày 07/11/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109100

Trà cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://voinvoice.viettel.vn/online/invoice-search>. Mã số bí mật: HUFFWRSYQ0TYG2V. Mã của cơ quan thuế: 000C0A11AE76984495A839B20D4DD52608

Hình 2.4. Hóa đơn số 299

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán kiểm tra, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có rồi nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên

phần mềm. Số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi đưa vào các sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111, 5113 như sau:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000
...	...	...	...	...	...	...	...
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cắt xây dựng	1551	152	0	1,621,730
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0
...	...	...	...	...	...	...	...
07/11/2025	07/11/2025	BH00008/11	Xây lắp	131	5113	196,991,667	0
07/11/2025	07/11/2025	BH00008/11	Xây lắp	5113	131	0	196,991,667
07/11/2025	07/11/2025	BH00008/11	Thuế GTGT - Xây lắp	131	33311	15,759,333	0
07/11/2025	07/11/2025	BH00008/11	Thuế GTGT - Xây lắp	33311	131	0	15,759,333
...	...	...	...	...	...	...	...
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Sỏi	131	5111	2,090,909	0
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Sỏi	5111	131	0	2,090,909
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Thuế GTGT - Sỏi	131	33311	209,091	0
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Thuế GTGT - Sỏi	33311	131	0	209,091
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK108/12	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	648,148,148	
31/12/2025	31/12/2025	NVK108/12	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	811	911		648,148,148
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						1,747,924,014,448	1,747,924,014,448

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIỀN
100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tra ng số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
18/1/2025	BH00035/03	18/1/2025	Xây lắp			131		2,659,302,778
18/1/2025	BH00036/03		Cung cấp vật tư			131		534,761,000
.....								
7/11/2025	BH00008/1	7/11/2025	Xây lắp			131		196,991,667
...	...	...	...	...	...	...	...	...
4/12/2025	BH00004/1	4/12/2025	Sỏi			131		2,090,909
.....								
31/12/2025	NVK108/12	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	15,279,633,338	
31/12/2025	NVK108/12	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	149,217,859,826	
31/12/2025	NVK108/12	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	...	...	911	1,114,699,075	
			- Cộng số phát sinh				165,612,192,239	165,612,192,239
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				165,612,192,239	165,612,192,239

- Sổ này có 11 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 11
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 5111; Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
18/1/2025	18/1/2025	BH00036/03	Cung cấp vật tư	131			534,761,000		534,761,000
18/1/2025	18/1/2025	BH00037/03	Cung cấp vật tư	131			318,630,000		853,391,000
.....									
25/7/2025	25/7/2025	BH00108/07	Sỏi	131			1,630,909		8,927,253,343
26/7/2025	26/7/2025	BH00109/07	Cát xây dựng	131			2,727,273		8,929,980,616
.....									
4/12/2025	4/12/2025	BH00004/12	sỏi	131			2,090,909		14,933,399,921
5/12/2025	5/12/2025	BH00005/12	sỏi	131			2,090,909		14,935,490,830
.....									
			Cộng			15,279,633,338	15,279,633,338		
			Số dư cuối kỳ						

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 5113; Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
18/1/2025	18/1/2025	BH00035/03	Xây lắp	131			2,659,302,778		2,659,302,778
22/1/2025	22/1/2025	BH00038/03	Xây lắp	131			1,383,445,370		4,042,748,148
.....									
7/11/2025	7/11/2025	BH00008/11	Xây lắp	131			196,991,667		123,954,294,801
19/11/2025	19/11/2025	BH000012/11	Xây lắp	131			7,250,664,815		131,204,959,616
28/11/2025	28/11/2025	BH000017/11	Xây lắp	131			2,794,561,111		133,999,520,727
.....									
			Cộng			149,217,859,826	149,217,859,826		
			Số dư cuối kỳ						

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

a. Tài khoản sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

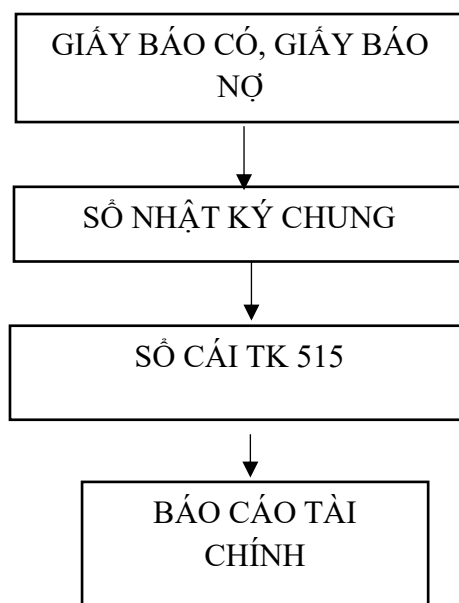
b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515
- Sổ chi tiết TK 515

d. Trình tự ghi sổ



Căn cứ vào giấy báo nợ và giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ, sau đó xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có.

Tiếp theo, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm MISA SME 2023 theo các phân hệ và biểu mẫu đã được thiết lập sẵn.

Sau khi nhập liệu các chứng từ phát sinh, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán có liên quan.

e. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 25/10/2025, nhận được thông báo lãi TGNH và giấy báo có của ngân hàng Đầu tư về lãi tiền gửi ngân hàng T10/2025 của công ty số tiền là 60,785 VNĐ

BIDV **GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE** Ngày/Date: 25/10/2025
CIF: 10644100
Seq: 1468

Chi nhánh/ **CN QUANG NAM**
Tên tài khoản/ **CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIỀN**
Địa chỉ/ **100 HO NGHINH- P TAN THANH TP TAM KY /,QUANG NAM**
Số tài khoản/ **5622123811**
(Số tài khoản cũ / Old Account No: 56210002123811)

Kính gửi/ To **CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIỀN**

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi CÓ với nội dung sau:
Please note that we have today CREDITED your account with the following entries:

Ngày hiệu lực Effective Date	Ngày giao Trans Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn. Description	Giao dịch viên Teller
25/10/2025	25/10/2025 01:02:58	60,785.00	VND	Thanh toán lãi tháng 10/2025	

Người tạo 169022

Hình 2.5. Giấy báo có

Căn cứ vào giấy báo có kế toán kiểm tra, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có rồi nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi đưa vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515 như sau:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000
...	...	...	...	-	-	...	...
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cắt xây dựng	1551	152	0	1,621,730
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0
...	...	...	...	-	-	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	3386	3341	0	3,072,000
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	4211	3383	2,968,035	0
...	...	...	...	-	-	...	...
25/10/2025	25/10/2025	NTTK018/10	Thu lãi tiền gửi	1121	515	60,785	0
25/10/2025	25/10/2025	NTTK018/10	Thu lãi tiền gửi	515	1121	0	60,785
...	...	...	...	-	-	...	...
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	632	152	1,175,371	0
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	152	632	0	1,175,371
Tổng cộng						1.747.924.014.448	1.747.924.014.448

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC &
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
20/01/2025	NTTK017/0	20/01/2025	Thu lãi tiền gửi			1121		982,183
25/01/2025	NTTK022/0	25/01/2025	Thu lãi tiền gửi			1121		291
.....								
25/08/2025	NTTK014/0	25/08/2025	Thu lãi tiền gửi			1121		14,476
21/09/2025	NTTK015/0	21/09/2025	Thu lãi tiền gửi			1121		479,039
....								
25/10/2025	NTTK018/1	25/10/2025	Thu lãi tiền gửi			1121		60,785
....								
25/12/2025	NTTK026/1	25/12/2025	Thu lãi tiền gửi			1121		98,666
....								
			- Cộng số phát sinh				108,566,490	108,566,490
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				108,566,490	108,566,490

Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của công ty được thu từ thanh lý tài sản, tiền bán phế liệu (sắt, thép vụn).

a. Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

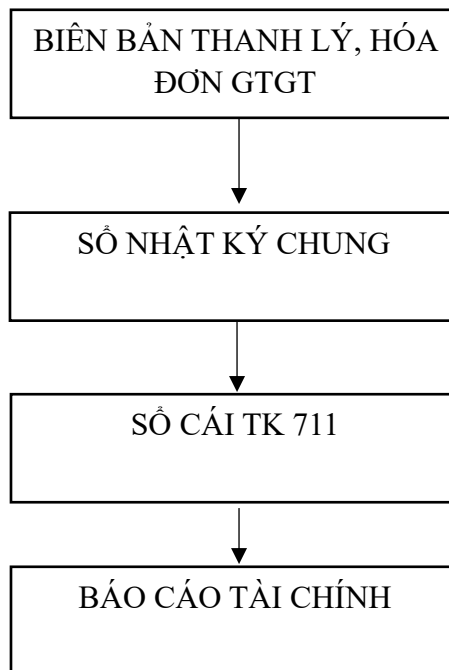
b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711
- Sổ chi tiết TK 711

c. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan

d. Trình tự ghi sổ



d. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 05/02/2025 Công ty thanh lý tài sản là Máy đào bánh xích- Hiệu: HYUNDAI- Model: ROBEX2900LC-3- Số khung: E904DG10467- Số máy: D6AUS148629C cho CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MTV QUỐC TẾ CHAILEASE với số tiền là 612.037.037 VNĐ



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1C25ITT
Số (No.): 15

Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
Mã số thuế (Tax code): 4001023906
Địa chỉ (Address): 100 Hồ Nghinh, Phường Tân Thạnh, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Điện thoại (Phone number): 0905 377 697
Số tài khoản (Account No.): 56210002123811 Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quảng Nam

Họ tên người mua hàng (Buyer name):
Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MTV QUỐC TẾ CHAILEASE
Mã số thuế (Tax code): 0304738328
Địa chỉ (Address): Tầng 9-26-27-28-29, cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):
Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)			
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5			
1	Máy đào bánh xích- Hiệu: HYUNDAI- Model: ROBEX2900LC-3- Số khung: E904DG10467- Số máy: D6AUS148629C(Theo hợp đồng mua bán số C2312093D3-PC)	Chiếc	1	612.037.037	612.037.037			
Cộng tiền hàng (Total amount):					612.037.037			
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT Amount):			48.962.963			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					661.000.000			
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Sáu trăm sáu mươi một triệu đồng								
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)					
			Signature valid Ký bởi CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN Ký ngày 05/02/2025					

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100199106

Địa chỉ hóa đơn điện tử tại Website: <https://voice.vietel.vn/utilities/invoice-search> . Mã số bí mật: SY0PL8J789878Y1. Mã cơ quan thuế: 00ABECD/C340FA4EAC9B42C46E2F348B6C

Hình 2.6. Hóa đơn số 15

Căn cứ vào hóa đơn kế toán kiểm tra, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có rồi nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi đưa vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711 như sau:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000
...	...	...	...	-	-	...	...
05/02/2025	05/02/2025	BH00046/03	Thanh lý tài sản	131	711	612,037,037	
05/02/2025	05/02/2025	BH00046/03	Thanh lý tài sản	711	131		612,037,037
...	...	...	...	-	-	...	...
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cất xây dựng	1551	152	0	1,621,730
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0
...	...	...	...	-	-	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	3386	3341	0	3,072,000
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	4211	3383	2,968,035	0
...	...	...	...	-	-	...	...
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Sỏi	131	5111	2,090,909	0
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Sỏi	5111	131	0	2,090,909
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Thuế GTGT - Sỏi	131	33311	209,091	0
04/12/2025	04/12/2025	BH00004/12	Thuế GTGT - Sỏi	33311	131	0	209,091
...	...	...	...	-	-	...	...
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	632	152	1,175,371	0
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	152	632	0	1,175,371
			Số dư cuối kỳ			1,747,924,014,448	1,747,924,014,448

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIỀN
100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
5/2/2025	BH00046/0	5/2/2025	Thanh lý tài sản			131		612,037,037
21/6/2025	NTTK018/0	21/6/2025	Thu khác			1121		20,000
31/12/2025	NVK107/12	31/12/2025	Ghi nhận thu nhập khác khoản tài sản thừa chờ xử lý ko rõ nguyên nhân			3381		71,310,686
31/12/2025	NVK108/12	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ			911	683,367,723	
			- Cộng số phát sinh				683,367,723	683,367,723
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				683,367,723	683,367,723

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến, giá vốn hàng bán được xác định tùy theo từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và hoạt động thi công xây dựng công trình.

Đối với hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng như cát, sỏi, công ty xác định giá vốn hàng bán theo giá thực tế của hàng hóa xuất kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân để tính giá xuất kho, phù hợp với đặc điểm hàng hóa phát sinh nhiều lần nhập trong kỳ với đơn giá khác nhau.

Đối với hoạt động thi công xây dựng công trình, giá vốn được xác định theo chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến từng công trình, hạng mục công trình. Các chi phí được tập hợp và theo dõi trên tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, sau đó được kết chuyển sang tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán khi công trình hoàn thành hoặc nghiệm thu theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

a. Tài khoản sử dụng

TK 632 – Giá vốn hàng bán

b. Chứng từ sử dụng

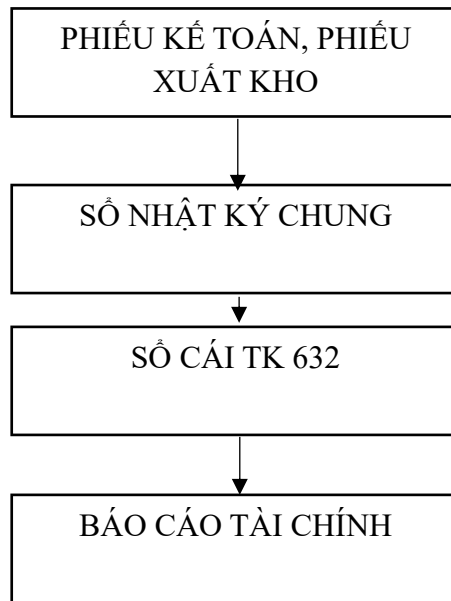
- Phiếu xuất kho, phiếu kế toán
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ chi tiết vật tư, hàng hóa

d. Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho cùng các chứng từ liên quan, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm MISA SME 2023 theo các phân hệ và biểu mẫu đã được thiết lập sẵn.. Cụ thể, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận vào Sổ nhật ký chung, Sổ Cái TK 632, sổ chi tiết TK 632



e. Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN

100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 4 tháng 12 năm 2025

Số: XK017/T12

Nợ: 632

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VƯƠNG TIẾN
- Địa chỉ (bộ phận): Thôn Phái Đông, Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VƯƠNG TIẾN
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa, Nguyên liệu, Vật liệu Địa điểm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sp, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sỏi		m3	10		146.921,4	1.469.214
	Cộng	x	x	x	x	x	1.469.214

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm mười bốn đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Hoặc bộ phận có nhu cầu
nhận)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

SỔ CHỈ TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: Kho Công ty, Mặt hàng: Sỏi, Năm 2025

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	NHẬP		XUẤT		Tồn
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Mã kho: KHO												
Mã hàng: SỎI								3,304.00	485,707.594	2,189.80	321,574.779	1,349.39
Kho Công ty	Sỏi				Số dư đầu kỳ	m³	145,080.16	3,304.00	485,707.594	2,189.80	321,574.779	1,349.39
Kho Công ty	Sỏi	02/01/2025	02/01/2025	NK005/T01	Nhập kho sỏi	m³	145,425.00					245.19
Kho Công ty	Sỏi	02/01/2025	02/01/2025	NK006/T01	Nhập kho sỏi	m³	145,425.00	10.00	1,454.250			34,121.403
...	...	...	...	...	...	...	...	10.00	1,454.250			245.19
Kho Công ty	Sỏi	14/05/2025	14/05/2025	XK043/T05	Xuất kho bán hàng Công ty TNHH ĐTXD Vương Tiên	m³	146,697.25			8.00	1,173.578	210,115.335
...	...	...	...	...	...	...	...					...
Kho Công ty	Sỏi	27/06/2025	27/06/2025	XK109/T06	Xuất kho sản xuất	m³	146,784.41			11.00	1,614.629	1,678.19
Kho Công ty	Sỏi	28/06/2025	28/06/2025	NK125/T06	Nhập kho sỏi	m³	147,314.00	10.00	1,473.140			246,321.532
...	...	...	...	...	...	...	...					1,688.19
Kho Công ty	Sỏi	04/12/2025	04/12/2025	XK016/T12	Xuất kho sản xuất	m³	146,921.37					...
Kho Công ty	Sỏi	04/12/2025	04/12/2025	NK009/T12	Nhập kho sỏi	m³	148,935.00	10.00	1,489.350	10.00	1,469.214	2,181.39
...	...	...	...	...	...	...	...					320,208.881
Kho Công ty	Sỏi	04/12/2025	04/12/2025	XK017/T12	Xuất kho bán hàng Công ty TNHH ĐTXD Vương Tiên theo hóa đơn số 317	m³	146,921.37			10.00	1,469.214	2,191.39
...	...	...	...	...	...	...	...					321,698.231
Kho Công ty	Sỏi	04/12/2025	04/12/2025	XK018/T12	Xuất kho sản xuất	m³	146,921.37					2,181.39
...	...	...	...	...	...	...	...					330,229.017
Kho Công ty	Sỏi	04/12/2025	04/12/2025	XK018/T12	Xuất kho sản xuất	m³	146,921.37			12.00	1,763.056	2,169.39
Kho Công ty	Sỏi	31/12/2025	31/12/2025	XK158/T12	Xuất kho sản xuất	m³	146,921.37			10.00	1,469.214	318,465.961
...	...	...	...	...	...	...	...					199,429.589
Kho Công ty	Sỏi	31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Xuất kho bán hàng UBND XÃ TIỀN LÀNH theo hóa đơn số 348	m³	146,921.37			8.00	1,175.371	1,357.39
...	...	...	...	...	...	...	...					198,254.218
Kho Công ty	Sỏi	31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Xuất kho sản xuất	m³	146,921.37					1,349.39
Tổng cộng								3,304.00	485,707.594	2,189.80	321,574.779	1,349.39
												198,254.218

Nghiệp vụ 2: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (Phụ lục)

Sau đó, quy trình số liệu sẽ được cập nhật vào Sổ nhật ký chung , sổ cái, sổ chi tiết giá vốn hàng bán:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000
...	...	...	...	...	...	...	...
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cát xây dựng	1551	152	0	1,621,730
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	3386	3341	0	3,072,000
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	4211	3383	2,968,035	0
...	...	...	...	...	...	...	...
04/12/2025	04/12/2025	XK017/T12	Sỏi	632	152	1,469,214	
04/12/2025	04/12/2025	XK017/T12	Sỏi	152	632		1,469,214
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK098/12	Kết chuyển giá vốn công trình	632	154	218,276,717	
31/12/2025	31/12/2025	NVK098/12	Kết chuyển giá vốn công trình	154	632		218,276,717
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	632	152	1,175,371	0
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	152	632	0	1,175,371
Tổng cộng						1,747,924,014,448	1,747,924,014,448

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
24/1/2025	MH041/01	24/1/2025	Do 0.05S-II			331	36,709,100	
31/1/2025	NVK077/01	31/1/2025	Gia công lắp dựng lan can cầu,			331	210,014,000	
.....								
4/12/2025	XK017/T12	4/12/2025	Sỏi			152	1,469,214	
5/12/2025	XK025/T12	5/12/2025	Sỏi			152	1,469,214	
6/12/2025	XK034/T12	6/12/2025	Sỏi			152	1,322,292	
....								
31/12/2025	NVK098/12	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn công trình			154	218,276,717	
31/12/2025	NVK098/12	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn công trình			154	1,097,633,462	
....								
			- Cộng số phát sinh				140,210,097,838	140,210,097,838
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				140,210,097,838	140,210,097,838

- Sổ này có 11 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 11

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Chi phí bán hàng

Công ty không phát sinh chi phí bán hàng

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần xây dựng Toàn Tiến bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN; chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,...

a. Tài khoản sử dụng

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ

- + TK 6425 – Thuế, phí, lệ phí
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

b. Chứng từ sử dụng

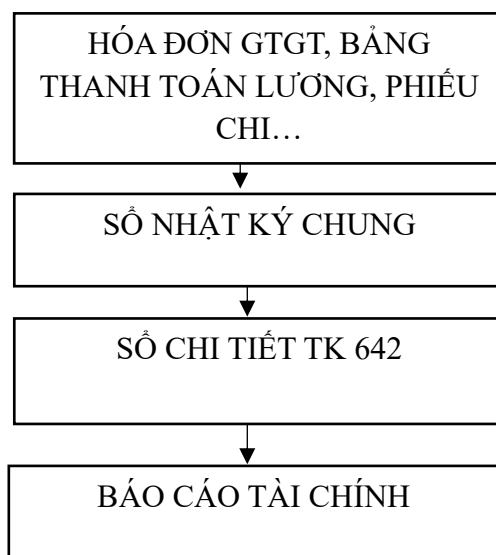
- Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 642

d. Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hoá đơn GTGT,..., kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm MISA SME 2023 theo các phân hệ và biểu mẫu đã được thiết lập sẵn.. Sau khi nhập liệu các chứng từ phát sinh, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán có liên quan



e. Nghiệp vụ minh họa

NV1: Ngày 01/10/2025 Công ty mua văn phòng phẩm từ Nguyễn Văn Đồi với số tiền là 11.865.000

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG SALES INVOICE				Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 2C25TTQ Số (Invoice No.): 00000594	
Ngày (day) 01 tháng (month) 10 năm (year) 2025					
Mã của Cơ quan thuế: 00E6573546A3D34B24B7116473915241B9					
Đơn vị bán (Seller): Nguyễn Văn Đồi					
MST (Tax Code): 4000405099					
Địa chỉ (Address): 228 Trưng Nữ Vương - Phường Tân Thạnh - Thành phố Tam Kỳ - Quảng Nam					
STK (Account No.): 0101946008 - Đông Á CN Quảng Nam					
Người mua (Buyer):					
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN					
MST (Tax Code): 4001023906					
Địa chỉ (Address): 100 Hồ Nghinh, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam					
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản					
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Giấy A4 Plus	Ram	115	75.000	8.625.000
2	Giấy A3 Quality	Ram	6	140.000	840.000
3	Bì My clear	Cái	240	5.000	1.200.000
4	Bút TL 036	Cây	100	12.000	1.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					11.865.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười một triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) Nguyễn Văn Đồi Ngày: 01/10/2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101380697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn					

Hình 2.7. Hóa đơn số 00000594

NV2: Ngày 30/11/2025 Công ty trả lương cho nhân viên với số tiền là 278,612,000

CÔNG TY CP XÂY DỰNG TOÀN TIẾN											
BẢNG TÍNH TIỀN LƯƠNG NHÂN VIÊN											
Tháng 11 năm 2025											
TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	10,5%BHXH BHYT,BHTN	Thuế TNCN	Hỗ trợ BHXH 21,5%	Lương thực tế	Ăn ca	Thực nhận	Ký nhận	Ghi chú
<i>Bộ phận văn phòng</i>											
1	Trần Thanh Tiến	Quản Lý	7,000,000	735,000			6,265,000	730,000	6,995,000		
2	Trịnh Hùng Vương	Giám đốc	6,000,000	630,000			5,370,000	730,000	6,100,000		
3	Nguyễn Ngọc Lộc	Phó GD	5,000,000	525,000			4,475,000	730,000	5,205,000		
4	Nguyễn Thị Nở	Kế TT	5,000,000	525,000			4,475,000	730,000	5,205,000		
5	Lê Thị Thanh Hiếu	Kế toán	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
6	Ngô Thị Thanh Lý	Kế toán	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
7	Võ Thị Hồng Loan	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
8	Trần Thanh Tùng	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
9	Võ Đình Thiên	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
10	Cao Văn Điền	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
11	Nguyễn Văn Đạo	Kế TT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
12	Phan Đình Tam	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
13	Đoàn Thị Dung	Kế toán	4,500,000	472,500		967,500	5,467,500	730,000	6,197,500		
14	Nguyễn Thị Cúc	Kế toán	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
15	Nguyễn Phạm Kim Oanh	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
16	Nguyễn Thị Kiên Giang	NV	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
17	Nguyễn Phú Tiến	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
18	Lê Văn Tường	PGD	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
19	Nguyễn Tân Hùng	Nviên KT	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
20	Nguyễn Thị Vinh	NV	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
21	Trần Thị Phương Thảo	Kế toán	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
22	Bùi Quốc Trung	NV	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
23	Lê Thị Nguyệt	NV	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
	Tổng		108,500,000	10,920,000	-	967,500	98,547,500	16,790,000	115,337,500		
<i>Bộ phận kỹ thuật</i>											
1	Trịnh Công Lâm	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
2	Nguyễn Hữu Hùng	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
3	Nguyễn Minh Tuấn	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
4	Nguyễn Văn Ba	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
5	Mai Văn Tuấn	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
7	Trịnh Công Chánh	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
8	Phan Đình Hậu	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
9	Nguyễn Tân Tài	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
10	Phạm Đình Cường	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
11	Trần Quốc Hưng	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
12	Phạm Văn Lục	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
13	Trương Quốc Tú	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
14	Ngô Văn Thương	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
15	Huỳnh Thanh Châu	Kỹ thuật	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
	Tổng		67,500,000	7,087,500			60,412,500	10,950,000	71,362,500		
<i>Bộ phận lái xe, lái máy</i>											
1	Lê Văn Hậu	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
2	Lê Minh Hùng	oCG	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
3	Lê Dũng Anh	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
4	Phạm Thanh Tân	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
5	Võ Việt Nghĩa	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
6	Nguyễn Minh Nhân	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
7	Trương Thanh Dũng	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
8	Đoàn Văn Tâm	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
9	Võ Văn Tru	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
10	Phạm Hữu Hoàng	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
11	Huỳnh Văn Cường	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
12	Huỳnh Chính Sinh	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
13	Nguyễn Thành Trung	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
14	Nguyễn Thanh Sơn	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
15	Lê Tấn Thắng	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
16	Nguyễn Thái Danh	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
17	Võ Văn Tiến	Lái máy	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
18	Trần Võ Bảo	Lái lu	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
19	Phùng Bá Khiêm	Trạm trộn	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
20	Mai Công Can	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
21	Trương N.Hoài Thương	Lái xe	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
	Tổng		98,500,000	10,342,500			88,157,500	15,330,000	103,487,500		
<i>Bộ phận mố, công nhân</i>											
1	Hà Tiến Hoàng	GpM	5,000,000			1,075,000	6,075,000	730,000	6,805,000		
2	Trần Thanh Tâm	Mố	4,700,000	493,500			4,206,500	730,000	4,936,500		
3	Nguyễn Tấn Dũng	Mố	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
4	Huỳnh Văn Nhơn	CN	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
5	Nguyễn Huy Vương	Mố	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
6	Đoàn Thị Hoài Diệp	Mố	4,500,000	472,500			4,027,500	730,000	4,757,500		
7	Lê Thanh Quý	CN	4,200,000			903,000	5,103,000	730,000	5,833,000		
	Tổng		31,900,000	2,383,500	-	1,978,000	31,494,500	5,110,000	36,604,500		
66	Tổng cộng		306,400,000	30,733,500	0	2,945,500	278,612,000	48,180,000	326,792,000		

Sau đó, quy trình số liệu sẽ được cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết tài khoản 6423, 6421 như sau:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0	
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cát xây dựng	1551	152	0	1,621,730	
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0	
...	...	...	...	...	...	...	...	
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	3386	3341	0	3,072,000	
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	4211	3383	2,968,035	0	
...	...	...	...	...	...	...	...	
01/10/2025	01/10/2025	NVK001/10	Mua văn phòng phẩm	6423	331	11,865,000		
01/10/2025	01/10/2025	NVK001/10	Mua văn phòng phẩm	331	6423		11,865,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
30/11/2025	30/11/2025	NVK059/11	Chi phí tiền lương phải trả nhân viên	6421	3341	278,612,000	0	
30/11/2025	30/11/2025	NVK059/11	Chi phí tiền lương phải trả nhân viên	3341	6421	0	278,612,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	632	152	1,175,371	0	
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	152	632	0	1,175,371	
Tổng cộng						1,747,924,014,448	1,747,924,014,448	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIỀN
100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỐ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tran g số	STT đòn g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
1/1/2025	PC004/01	1/1/2025	Chi tiền mua dầu			1111	909,091	
1/1/2025	UNC001/01	1/1/2025	Phí bảo lãnh			1121	10,844,167	
....								
24/06/2025	MH144/06	24/06/2025	Mua dầu DO			331	566,182	
24/06/2025	NVK047/06	24/06/2025	Chi phí bảo dưỡng			331	2,621,416	
24/06/2025	NVK047/06	24/06/2025	Chi phí bảo dưỡng			331	1,287,000	
....								
1/10/2025	NVK001/10	1/10/2025	Mua văn phòng phẩm			331	11,865,000	
....								
30/11/2025	NVK059/11	30/11/2025	Chi phí tiền lương phải trả nhân viên			3341	278,612,000	
...		...	..	..		...	...	...
30/11/2025	PC085/11	30/11/2025	Chi tiền lương+ăn ca nhân viên			1111	48,180,000	
....								
			- Cộng số phát sinh				20,961,739,674	20,961,739,674
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				20,961,739,674	20,961,739,674

- Sổ này có 41 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 41

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 6421; Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
30/11/2025	30/11/2025	PC019/01	Tạm ứng tiền thưởng theo doanh thu	3341		312,000,000		14,828,072,469	
30/11/2025	30/11/2025	NVK059/11	Chi phí tiền lương phải trả nhân viên	3341		278,612,000		15,106,684,469	
30/11/2025	30/11/2025	NVK062/11	Tạm ứng tiền thưởng theo doanh thu của nhân viên	3341		406,000,000		15,512,684,469	
30/11/2025	30/11/2025	NVK069/11	Chi phí đóng BHXH	3383		52,955,000		15,565,639,469	
30/11/2025	30/11/2025	NVK069/11	Chi phí đóng BHXH	3384		9,345,000		15,574,984,469	
			Cộng			17,026,599,533	17,026,599,533		
			Số dư cuối kỳ						

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 6423; Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
30/09/2025	30/09/2025	NVK056/09	Mua văn phòng phẩm	331		10,991,000		10,991,000	
01/10/2025	01/10/2025	NVK001/10	Mua văn phòng phẩm	331		11,865,000		22,856,000	
02/10/2025	02/10/2025	NVK006/10	Mua văn phòng phẩm	331		14,000,000		36,856,000	
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/12	Phân bổ chi phí trả trước	2422		161,401,991		198,257,991	
31/12/2025	31/12/2025	NVK108/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911			198,257,991		
			Cộng			198,257,991	198,257,991		
			Số dư cuối kỳ						

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của Công ty là thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

a. Tài khoản sử dụng

TK 811 – Chi phí khác

b. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

c. Sổ sách sử dụng

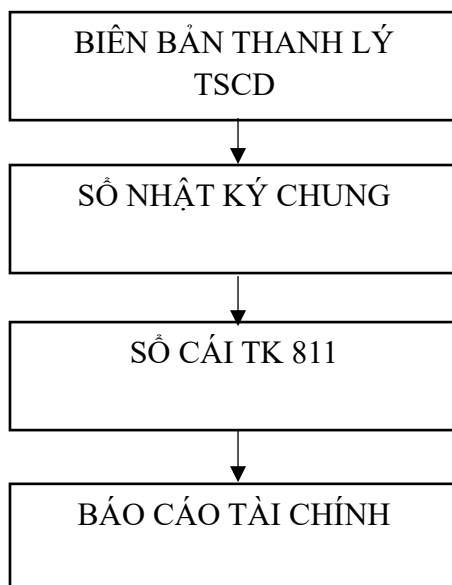
- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 811

- Sổ chi tiết TK 811

d. Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ ghi giảm và hóa đơn bán tài sản, kế toán xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào phần mềm MISA theo các giao diện định sẵn. Cụ thể, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận vào Sổ nhật ký chung, sau đó số liệu được chuyển vào Sổ Cái, sổ chi tiết TK 811.



e. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 05/02/2025 Công ty thanh lý tài sản là xe máy đào với số tiền là 648,148,148 VNĐ

Do một số chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán và tái thuê tài chính không còn lưu trữ đầy đủ, nên em mô tả lại trình tự nghiệp vụ dựa trên số liệu hạch toán và sổ kế toán của doanh nghiệp như sau:

Doanh nghiệp thực hiện bán tài sản cho Công ty Cho thuê tài chính và xuất hóa đơn GTGT theo giá trị thỏa thuận. Sau đó, kế toán ghi nhận khoản phải thu từ công ty cho thuê tài chính, đồng thời ghi giảm tài sản cố định đã bán.

Sau đó, công ty cho thuê tài chính giải ngân tiền cho doanh nghiệp và doanh nghiệp tiếp tục thuê lại chính tài sản đó dưới hình thức thuê tài chính để phục vụ hoạt động kinh doanh. Định kỳ hàng tháng, doanh nghiệp thực hiện thanh toán tiền thuê tài chính gồm phần gốc và lãi thuê, đồng thời thực hiện trích khấu hao tài sản thuê tài chính theo quy định hiện hành.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000
...	...	...	...	-	-	...	...
05/02/2025	05/02/2025	NVK011/02	Thanh lý xe máy đào	811	2112	648,148,148	0
05/02/2025	05/02/2025	NVK011/02	Thanh lý xe máy đào	2112	811	0	648,148,148
...	...	...	...	-	-	...	...
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cát xây dựng	1551	152	0	1,621,730
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0
...	...	...	...	-	-	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	3386	3341	0	3,072,000
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	4211	3383	2,968,035	0
...	...	...	...	-	-	...	...
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	632	152	1,175,371	0
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	152	632	0	1,175,371
Tổng cộng						1,747,924,014,448	1,747,924,014,448

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN
100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC&

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Đơn vị tính:

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,		Tra	ST		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
5/2/2025	NVK011/0	5/2/2025	Thanh lý xe máy đào			2112	648,148,148	
31/12/2025	NVK108/1	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến			911		648,148,148
			- Cộng số phát sinh				648,148,148	648,148,148
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu				648,148,148	648,148,148

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 đ

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

a. Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 911

- Sổ chi tiết TK 911

c. Nghiệp vụ kế toán chi tiết

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	30,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/01	Điều chỉnh hạch toán sai mã nhà cung cấp	331	331	0	30,000,000
...	...	...	...	...	...	...	...
29/05/2025	29/05/2025	NK118/T05	Cát xây dựng	1551	152	0	1,621,730
29/05/2025	29/05/2025	NK119/T05	Sỏi	152	1551	1,916,590	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	3386	3341	0	3,072,000
30/06/2025	30/06/2025	NVK073/06	Chi phí đóng BHXH	4211	3383	2,968,035	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK108/12	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	437,947,008	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK108/12	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	0	437,947,008
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	632	152	1,175,371	0
31/12/2025	31/12/2025	XK159/T12	Sỏi	152	632	0	1,175,371
Tổng cộng						1,747,924,014,448	1,747,924,014,448

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIỀN

100 Hồ Nghinh, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	chung		Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tra ng	STT đơn	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				15,279,633,338
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				149,217,859,826
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				1,114,699,075
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính				108,566,490
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán			140,210,097,838	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			3,759,478,342	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			17,026,599,533	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			212,677,712	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			198,257,991	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			421,248,091	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			1,775,106,348	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			166,176,554	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			1,161,673,445	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển thu nhập khác				683,367,723
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ			648,148,148	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			386,715,442	
12/31/2025	NVK108/12	12/31/2025	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ			437,947,008	
			- Cộng số phát sinh			166,404,126,452	166,404,126,452
			- Số dư cuối kỳ				
			- Cộng lũy kế từ đầu năm			166,404,126,452	166,404,126,452

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 Tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02 –**
DN
(Ban hành
theo Thông tư
số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

[03] Mã số thuế: 4001023906

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		165,612,192,239	149,820,046,425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		165,612,192,239	149,820,046,425
4. Giá vốn hàng bán	11		140,210,097,838	128,173,022,515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25,402,094,401	21,647,023,910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		108,566,490	19,648,059
7. Chi phí tài chính	22		3,759,478,342	3,319,776,309
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,759,478,342	3,319,776,309
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20,961,739,674	17,688,105,622
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		789,442,875	658,790,038
11. Thu nhập khác	31		683,367,723	0
12. Chi phí khác	32		648,148,148	58,038,360
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		35,219,575	(58,038,360)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		824,662,450	600,751,678
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		386,715,442	353,757,598
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		437,947,008	246,994,080
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

TRỊNH HÙNG VƯƠNG

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TOÀN TIẾN

3.1 Nhận xét về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến, em đã tìm hiểu về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở những kiến thức đã được học tại trường kết hợp với quá trình nghiên cứu thực tế tại đơn vị, em xin đưa ra một số nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến như sau:

Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng và quá trình luân chuyển chứng từ:

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến sử dụng hệ thống chứng từ kế toán tương đối đầy đủ và phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước. Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, bảng thanh toán lương và các chứng từ liên quan khác.

Các chứng từ phát sinh đều được lập đầy đủ các nội dung cần thiết như ngày, tháng, số chứng từ, nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và chữ ký của các cá nhân có liên quan. Đối với các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động xây lắp, công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ như hợp đồng xây dựng, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản bàn giao công trình, hóa đơn giá trị gia tăng và các hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp. Hệ thống sổ sách kế toán được mở tương đối đầy đủ theo quy định, bao gồm Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ chi tiết liên quan.

Các sổ kế toán được ghi chép rõ ràng, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ. Việc cập nhật số liệu được thực hiện thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác theo dõi doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, quy trình luân chuyển chứng từ được tổ chức tương đối chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và tuân thủ các nguyên tắc kế toán.

Về phương pháp hạch toán:

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trong quá trình hạch toán, công ty thực hiện tương đối tốt các quy định về kế toán, đảm bảo việc ghi nhận và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Bên cạnh đó, bộ phận kế toán thường xuyên cập nhật các quy định mới về kế toán, thuế và các chính sách có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp cũng như tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Để phục vụ cho công tác quản lý, công ty đã mở các tài khoản chi tiết phù hợp với đặc điểm hoạt động xây lắp. Việc theo dõi chi tiết các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cung cấp thông tin kế toán rõ ràng, hỗ trợ nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Về hình thức và phần mềm kế toán:

Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến đã ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý thông tin kế toán. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán cập nhật vào phần mềm trên cơ sở các chứng từ liên quan, từ đó số liệu được tự động tổng hợp và phản ánh vào các sổ kế toán theo quy định.

Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công cho nhân viên kế toán, đồng thời hỗ trợ việc ghi chép, tổng hợp và lưu trữ số liệu một cách thuận tiện hơn. Bên cạnh đó, phần mềm còn giúp quá trình lập sổ sách và báo cáo kế toán được thực hiện nhanh chóng, góp phần nâng cao tính chính xác của thông tin kế toán và phục vụ kịp thời nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

3.1.2. Kế toán doanh thu

3.1.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nhận xét:

Công tác kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thực hiện tương đối phù hợp với các quy định hiện hành. Đối với hoạt động xây lắp, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào các hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan. Đối với hoạt động bán hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ có liên quan theo quy định. Các nghiệp vụ doanh thu được kế toán theo dõi và phản ánh kịp thời vào sổ sách kế toán. Việc hạch toán tương đối rõ ràng, góp phần hỗ trợ công tác quản lý và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

3.1.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Nhận xét: Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thực hiện tương đối phù hợp với quy định hiện hành. Các khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh được kế toán theo dõi và hạch toán kịp thời, góp phần đảm bảo việc xác định kết quả kinh doanh của công ty được thực hiện hợp lý.

3.1.2.3. Thu nhập khác

Nhận xét: Công tác kế toán thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thực hiện tương đối phù hợp với các quy định hiện hành. Các khoản thu nhập khác phát sinh được kế toán theo dõi và hạch toán kịp thời, góp phần phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

3.1.3. Kế toán chi phí

3.1.3.1. Giá vốn hàng bán

Nhận xét:

Công tác kế toán giá vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thực hiện tương đối phù hợp với các quy định hiện hành. Đối với hoạt động xây lắp, giá vốn được tập hợp trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình. Đối với hoạt động bán hàng, giá vốn được xác định căn cứ vào giá trị hàng hóa, vật tư xuất bán trong kỳ. Các khoản giá vốn phát sinh được kế toán theo dõi và hạch toán tương đối kịp thời, góp phần phản ánh chi phí thực tế và hỗ trợ công tác xác định kết quả kinh doanh của công ty.

3.1.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nhận xét: Công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thực hiện tương đối đầy đủ việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Các khoản chi phí phát sinh như tiền lương nhân viên quản lý, các khoản trích theo lương, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tập hợp và phản ánh trên TK 642. Chứng từ sử dụng tương đối đầy đủ, các nghiệp vụ được ghi nhận kịp thời, góp phần cung cấp thông tin phục vụ cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.3.3. Chi phí khác

Nhận xét: Các khoản chi phí khác phát sinh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được kế toán theo dõi và hạch toán tương đối kịp thời vào sổ sách kế toán. Việc ghi nhận các khoản chi phí này góp phần phản ánh đầy đủ chi phí phát sinh và hỗ trợ công tác xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Tồn tại: Một số chứng từ liên quan đến chi phí khác chưa được lưu trữ đầy đủ nên việc tra cứu, đối chiếu và kiểm tra số liệu còn gặp khó khăn.

3.1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Nhận xét: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến được thực hiện tương đối phù hợp với các quy định hiện hành. Các khoản doanh thu, chi phí và thu nhập khác được tổng hợp và kết chuyển tương đối kịp thời, góp phần xác định kết quả kinh doanh của công ty một cách hợp lý và phục vụ công tác quản lý

3.2. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến

3.2.1. Kế toán chi phí

3.2.1.1. Chi phí khác

Công ty cần tăng cường công tác quản lý, lưu trữ và bảo quản chứng từ liên quan đến các khoản chi phí khác phát sinh. Các chứng từ sau khi sử dụng nên được sắp xếp và lưu trữ theo từng thời kỳ, từng nội dung nghiệp vụ một cách khoa học để thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra và đối chiếu khi cần thiết.

Bên cạnh đó, công ty nên thực hiện số hóa chứng từ bằng cách lưu trữ thêm bản mềm trên hệ thống máy tính nhằm hạn chế tình trạng thất lạc chứng từ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán và cung cấp thông tin đầy đủ phục vụ công tác quản lý.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp xây dựng, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng, là công cụ hỗ trợ đắc lực cho nhà quản lý trong việc kiểm soát tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, khóa luận đã hệ thống hóa và trình bày những nội dung cơ bản theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Đồng thời, đề tài đã đi sâu tìm hiểu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến. Qua đó, thấy được những ưu điểm mà Công ty đã đạt được cũng như một số hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán.

Từ việc nghiên cứu thực tế tại Công ty, đề tài đã đề xuất một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến, giúp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, song do thời gian thực tập, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô và các anh chị trong Công ty để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của giảng viên ThS. Đặng Thanh Nga đã giúp em hoàn thiện khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính. (2025). *Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
2. Bộ Tài chính. (2014). *Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
3. Các tài liệu của Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn tiến
4. Tham khảo một số luận văn kế toán của trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
5. Công ty Cổ phần MISA, các bài viết chuyên môn kế toán, thuế và tài chính trên trang MISA AMIS, truy cập năm 2025.
6. Bộ Tài chính (2002), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 – Hợp đồng xây dựng (VAS 15)*, ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002.

PHỤ LỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
Biên bản số 01/2025/NTKL

Công trình: Cầu bê tông đi Tak Lây
Địa điểm xây dựng: xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam

- I. Đối tượng nghiệm thu: Khối lượng xây lắp hoàn thành
- II. Thành phần nghiệm thu:
1. Đại diện chủ đầu tư: BQL dự án - Quỹ đất huyện Bắc Trà My
- Ông: Trần Nguyễn Hà Chức vụ: Chuyên viên
- Ông: Chức vụ:
2. Đại diện tư vấn giám sát: Trung tâm kỹ thuật đường bộ 3
- Ông: Nguyễn Đình Vỹ Chức vụ: Phó giám đốc
- Ông: Vũ Khắc Hùng Chức vụ: Giám sát trưởng
- Ông: Lê Duy Thái Chức vụ: Giám sát viên
3. Đại diện đơn vị thi công: Công ty cổ phần xây dựng Toàn Tiến
- Ông: Trịnh Hùng Vương Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Thanh Quân Chức vụ: Chỉ huy trưởng
- Ông: Chức vụ:
- III. Thời gian nghiệm thu
- Bắt đầu: 13 giờ 30 ngày 18 tháng 10 năm 2025
- Kết thúc: 15 giờ 30 ngày 18 tháng 10 năm 2025
- Tại công trình: Cầu bê tông đi Tak Lây
- IV. Căn cứ nghiệm thu
- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng
- Hợp đồng số: 008/HĐ-XL/2025 ngày 07 tháng 08 năm 2025
- Các văn bản pháp lý có liên quan

Sau khi kiểm tra thực tế tại hiện trường, hội đồng nghiệm thu thống nhất nghiệm thu khối lượng hoàn thành để có cơ sở nghiệm thu thanh toán. Khối lượng thực hiện được tổng hợp cụ thể theo bảng sau:

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
1	Cầu bản L=3x9m					
1.1	A. Kết cấu thượng bộ					
1.1.1	* Bản mặt cầu: Bê tông mặt cầu 30MPa đá 1x2	m3	81,000	-	-	-
1.1.2	Ván khuôn kim loại mặt cầu	m2	188,640	-	-	-
1.1.3	Cốt thép mặt cầu d=8mm, (CB240-T)	Tấn	0,325	-	-	-
1.1.4	Cốt thép mặt cầu d=12mm, (CB400-V)	Tấn	1,614	-	-	-
1.1.5	Cốt thép mặt cầu d=16mm, (CB400-V)	Tấn	1,509	-	-	-
1.1.6	Cốt thép mặt cầu d=28mm, (CB400-V)	Tấn	9,336	-	-	-
1.1.7	* Lan can, tay vịn: Bê tông 25MPa đá 1x2	m3	10,800	-	-	-
1.1.8	Ván khuôn	m2	63,960	-	-	-
1.1.9	Quét vôi lan can	m2	78,000	-	-	-
1.1.10	Cốt thép d=12mm, (CB400-V)	Tấn	0,428	-	-	-
1.1.11	Cốt thép d=16mm, (CB400-V)	Tấn	2,108	-	-	-
1.1.12	Gia công lan can cầu (chưa mạ kẽm)	Tấn	1,839	-	-	-
1.1.13	Mạ kẽm nhúng nóng lan can cầu	Tấn	1,839	-	-	-
1.1.14	Lắp đặt lan can cầu mạ kẽm	Tấn	1,839	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lấy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lấy kế đến hết kỳ này
1.1.15	Bu lông neo D22; L=650mm	Bộ	60,000	-	-	-
1.1.16	* Thoát nước mặt cầu: Ống thép mạ kẽm thoát nước mặt	Tấn	0,087	-	-	-
1.1.17	Nắp gang chắn rác	Tấn	12,000	-	-	-
1.2	B. Kết cấu hạ bộ			-	-	-
1.2.1	L. Mố cầu M1: Bê tông 25MPa đá 1x2 Xà mũ mố	m3	4,220	-	-	-
1.2.2	Ván khuôn Xà mũ mố	m2	15,580	-	-	-
1.2.3	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Xà mũ mố	Tấn	0,062	-	-	-
1.2.4	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Xà mũ mố	Tấn	0,095	-	-	-
1.2.5	Cốt thép mạ kẽm d=28mm, (CB400-T) Xà mũ mố	Tấn	0,074	-	-	-
1.2.6	Ống thép D50/54 Xà mũ mố	m	5,040	-	-	-
1.2.7	Vữa sikagrout 214-11 Xà mũ mố	Lít	3,400	-	-	-
1.2.8	Bì tum Xà mũ mố	Lít	3,400	-	-	-
1.2.9	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Xà mũ mố	m2	3,300	-	-	-
1.2.10	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân mố	m3	54,000	-	-	-
1.2.11	Ván khuôn Thân mố	m2	108,000	-	-	-
1.2.12	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Thân mố	m2	45,000	-	-	-
1.2.13	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân mố	Tấn	0,062	-	-	-
1.2.14	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân mố	Tấn	0,593	-	-	-
1.2.15	Cốt thép d=16mm, (CB400-V) Thân mố	Tấn	0,426	-	-	-
1.2.16	Cốt thép d=20mm, (CB400-V) Thân mố	Tấn	0,666	-	-	-
1.2.17	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ mố M1	m3	15,000	-	-	-
1.2.18	Ván khuôn Bệ mố M1	m2	17,000	-	-	-
1.2.19	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ mố M1	Tấn	0,087	-	-	-
1.2.20	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ mố M1	m	9,000	-	-	-
1.2.21	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ mố M1	Lít	6,920	-	-	-
1.2.22	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân tường cánh mố M1 phía	m3	42,546	-	-	-
1.2.23	Ván khuôn Thân tường cánh mố M1 phía hạ lưu	m2	90,211	-	-	-
1.2.24	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Thân tường cánh mố M1 phía hạ lưu	m2	36,989	-	-	-
1.2.25	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân tường cánh mố M1 phía hạ lưu	Tấn	0,034	-	-	-
1.2.26	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Thân tường cánh mố M1 phía hạ lưu	Tấn	0,202	-	-	-
1.2.27	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân tường cánh mố M1 phía hạ lưu	Tấn	0,308	-	-	-
1.2.28	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ tường cánh mố M1 phía hạ	m3	13,253	-	-	-
1.2.29	Ván khuôn Bệ tường cánh mố M1 phía hạ lưu	m2	15,668	-	-	-
1.2.30	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ tường cánh mố M1 phía hạ lưu	Tấn	0,097	-	-	-
1.2.31	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ tường cánh mố M1 phía hạ lưu	m	10,000	-	-	-
1.2.32	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ tường cánh mố M1 phía hạ lưu	Lít	7,697	-	-	-
1.2.33	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân tường cánh mố M1 phía thượng lưu	m3	39,001	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
1.2.34	Ván khuôn Thân tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	m2	83,668	-	-	-
1.2.35	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Thân tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	m2	33,698	-	-	-
1.2.36	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	Tấn	0,034	-	-	-
1.2.37	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Thân tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	Tấn	0,182	-	-	-
1.2.38	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	Tấn	0,284	-	-	-
1.2.39	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	m3	12,148	-	-	-
1.2.40	Ván khuôn Bệ tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	m2	14,524	-	-	-
1.2.41	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	Tấn	0,097	-	-	-
1.2.42	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ tường cánh mỏ M1 phía thượng lưu	m	10,000	-	-	-
1.2.43	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ tường cánh mỏ M1 phía	Lít	7,697	-	-	-
1.2.44	II. Mỏ cầu M2: Bê tông 25MPa đá 1x2 Xà mũ mỏ	m3	3,260	-	-	-
1.2.45	Ván khuôn Xà mũ mỏ	m2	15,270	-	-	-
1.2.46	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Xà mũ mỏ	Tấn	0,062	-	-	-
1.2.47	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Xà mũ mỏ	Tấn	0,080	-	-	-
1.2.48	Cốt thép mạ kẽm d=28mm, (CB400-T) Xà mũ mỏ	Tấn	0,074	-	-	-
1.2.49	Ông thép D50/54 Xà mũ mỏ	m	5,040	-	-	-
1.2.50	Vữa sikagrout 214-11 Xà mũ mỏ	Lít	3,400	-	-	-
1.2.51	Bì tum Xà mũ mỏ	Lít	3,400	-	-	-
1.2.52	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Xà mũ mỏ	m2	3,300	-	-	-
1.2.53	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân mỏ	m3	27,000	-	-	-
1.2.54	Ván khuôn Thân mỏ	m2	63,000	-	-	-
1.2.55	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Thân mỏ	m2	27,000	-	-	-
1.2.56	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân mỏ	Tấn	0,032	-	-	-
1.2.57	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân mỏ	Tấn	0,362	-	-	-
1.2.58	Cốt thép d=14mm, (CB400-V) Thân mỏ	Tấn	0,218	-	-	-
1.2.59	Cốt thép d=16mm, (CB400-V) Thân mỏ	Tấn	0,284	-	-	-
1.2.60	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ mỏ M2	m3	15,000	-	-	-
1.2.61	Ván khuôn Bệ mỏ M2	m2	17,000	-	-	-
1.2.62	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ mỏ M2	Tấn	0,087	-	-	-
1.2.63	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ mỏ M2	m	9,000	-	-	-
1.2.64	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ mỏ M2	Lít	6,920	-	-	-
1.2.65	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân tường cánh mỏ M2 phía	m3	12,209	-	-	-
1.2.66	Ván khuôn Thân tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	m2	34,112	-	-	-
1.2.67	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Thân tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	m2	13,527	-	-	-
1.2.68	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	Tấn	0,029	-	-	-
1.2.69	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Thân tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	Tấn	0,068	-	-	-
1.2.70	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	Tấn	0,115	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
1.2.71	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ tường cánh mỏ M2 phía hạ	m3	6,335	-	-	-
1.2.72	Ván khuôn Bệ tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	m2	10,025	-	-	-
1.2.73	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	Tấn	0,044	-	-	-
1.2.74	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	m	4,500	-	-	-
1.2.75	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ tường cánh mỏ M2 phía hạ lưu	Lít	3,464	-	-	-
1.2.76	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	m3	27,471	-	-	-
1.2.77	Ván khuôn Thân tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	m2	70,667	-	-	-
1.2.78	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm Thân tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	m2	31,983	-	-	-
1.2.79	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	Tấn	0,027	-	-	-
1.2.80	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Thân tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	Tấn	0,174	-	-	-
1.2.81	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	Tấn	0,291	-	-	-
1.2.82	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	m3	14,254	-	-	-
1.2.83	Ván khuôn Bệ tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	m2	21,512	-	-	-
1.2.84	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	Tấn	0,102	-	-	-
1.2.85	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ tường cánh mỏ M2 phía thượng lưu	m	10,500	-	-	-
1.2.86	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ tường cánh mỏ M2 phía	Lít	8,082	-	-	-
1.2.87	* Trụ cầu T1: Bê tông 25MPa đá 1x2 Xà mũ trụ	m3	2,564	-	-	-
1.2.88	Ván khuôn Xà mũ trụ	m2	7,577	-	-	-
1.2.89	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Xà mũ trụ	Tấn	0,054	-	-	-
1.2.90	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Xà mũ trụ	Tấn	0,054	-	-	-
1.2.91	Cốt thép mạ kẽm d=28mm, (CB400-T) Xà mũ trụ	Tấn	0,079	-	-	-
1.2.92	Ống thép D50/54 Xà mũ trụ	m	7,680	-	-	-
1.2.93	Vữa sikagrout 214-11 Xà mũ trụ	Lít	5,175	-	-	-
1.2.94	Bì tum Xà mũ trụ	Lít	5,175	-	-	-
1.2.95	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân trụ	m3	54,280	-	40,71	40,710
1.2.96	Ván khuôn Thân trụ	m2	121,130	-	90,850	90,850
1.2.97	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân trụ	Tấn	0,061	-	0,0434	0,043
1.2.98	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân trụ	Tấn	0,559	-	0,4192	0,419
1.2.99	Cốt thép d=18mm, (CB400-V) Thân trụ	Tấn	1,404	-	1,4043	1,404
1.2.100	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ trụ	m3	20,000	-	20,000	20,000
1.2.101	Ván khuôn Bệ trụ	m2	21,000	-	21,000	21,000
1.2.102	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ trụ	Tấn	0,116	-	0,116	0,116
1.2.103	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ trụ	m	12,000	-	12,000	12,000
1.2.104	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ trụ	Lít	9,230	-	9,230	9,230
1.2.105	* Trụ cầu T2: Bê tông 25MPa đá 1x2 Xà mũ trụ	m3	2,564	-	-	-
1.2.106	Ván khuôn Xà mũ trụ	m2	7,577	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lấy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lấy kế đến hết kỳ này
1.2.107	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Xà mũ trụ	Tấn	0,054	-	-	-
1.2.108	Cốt thép d=10mm, (CB400-V) Xà mũ trụ	Tấn	0,054	-	-	-
1.2.109	Cốt thép mạ kẽm d=28mm, (CB400-T) Xà mũ trụ	Tấn	0,079	-	-	-
1.2.110	Ống thép D50/54 Xà mũ trụ	m	7,680	-	-	-
1.2.111	Vữa sikagrout 214-11 Xà mũ trụ	Lít	5,175	-	-	-
1.2.112	Bì tum Xà mũ trụ	Lít	5,175	-	-	-
1.2.113	Bê tông 25MPa đá 1x2 Thân trụ	m3	54,280	-	-	-
1.2.114	Ván khuôn Thân trụ	m2	121,130	-	-	-
1.2.115	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Thân trụ	Tấn	0,061	-	-	-
1.2.116	Cốt thép d=12mm, (CB400-V) Thân trụ	Tấn	0,559	-	-	-
1.2.117	Cốt thép d=18mm, (CB400-V) Thân trụ	Tấn	1,404	-	-	-
1.2.118	Bê tông 20MPa đá 2x4 Bệ trụ	m3	20,000	-	-	-
1.2.119	Ván khuôn Bệ trụ	m2	21,000	-	-	-
1.2.120	Cốt thép neo d=28mm, L=1m Bệ trụ	Tấn	0,116	-	-	-
1.2.121	Khoan tạo lỗ D42 vào đá cấp 3 Bệ trụ	m	12,000	-	-	-
1.2.122	Bơm vữa lấp lỗ khoan Bệ trụ	Lít	9,230	-	-	-
1.2.123	* Bán dẫn đầu cầu: Bê tông 25MPa đá 1x2 Bán dẫn	m3	13,300	-	-	-
1.2.124	Ván khuôn Bán dẫn đầu cầu	m2	14,320	-	-	-
1.2.125	Bê tông lót 10Mpa Bán dẫn đầu cầu	m3	4,900	-	-	-
1.2.126	Bì tum Bán dẫn đầu cầu	Lít	75,000	-	-	-
1.2.127	Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 Bán dẫn đầu cầu	m3	30,000	-	-	-
1.2.128	Cốt thép d=8mm, (CB240-T) Bán dẫn đầu cầu	Tấn	0,016	-	-	-
1.2.129	Cốt thép d=14mm, (CB400-V) Bán dẫn đầu cầu	Tấn	1,085	-	-	-
1.2.130	Cốt thép d=16mm, (CB400-V) Bán dẫn đầu cầu	Tấn	0,759	-	-	-
1.2.131	Đắp đất sau mố K95 (tận dụng đất đào nền đường) Bán dẫn đầu cầu	m3	175,680	-	-	-
1.2.132	* Biển báo: Lắp cột và biển báo tên cầu KT(60x30)cm Biển báo	Cái	2,000	-	-	-
1.2.133	Bu lông D10; L=100mm Biển báo	Cái	4,000	-	-	-
1.2.134	Bu lông D10; L=30mm Biển báo	Cái	8,000	-	-	-
1.2.135	Cốt thép chống xoay d=14mm Biển báo	Kg	2,420	-	-	-
1.2.136	Thép L50x50x4 Biển báo	Kg	3,050	-	-	-
1.2.137	Bê tông móng M150 đá 1x2 Biển báo	m3	0,374	-	-	-
1.2.138	Đảm sạn đệm Biển báo	m3	0,072	-	-	-
1.2.139	Đào đất cấp 3 Biển báo	m3	0,960	-	-	-
1.3	C. Thi công cầu			-	-	-
1.3.1	* Thi công mố M1+M2: Đào móng đất cấp 3 bằng máy đào	m3	159,130	-	-	-
1.3.2	Đào móng đá cấp 3 bằng máy đào	m3	43,010	-	-	-
1.3.3	Bê tông 20MPa đá 2x4 bù hồ móng	m3	4,000	-	-	-
1.3.4	Lấp đất hồ móng K90	m3	145,220	-	-	-
1.3.5	Xúc đá lên ô tô vận chuyển	m3	43,010	-	-	-
1.3.6	Vận chuyển đá đổ đi, cự ly 2km	m3	43,010	-	-	-
1.3.7	Sản xuất đào giáo thi công (SX 1 bộ KL max, LC 4 lần)	Tấn	6,157	-	-	-
1.3.8	Lắp dựng đà giáo thi công mố	Tấn	10,070	-	-	-
1.3.9	Tháo dỡ đà giáo thi công mố	Tấn	10,070	-	-	-
1.3.10	Gia công thép tẩm chôn sẵn trong bê tông	Tấn	0,126	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lấy kể đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lấy kể đến hết kỳ này
1.3.11	Lắp đặt thép tấm chôn trong bê tông	Tấn	0,126	-	-	-
1.3.12	Cốt thép neo d=16mm	Tấn	0,025	-	-	-
1.3.13	Sản xuất gỗ ván sàn công tác	m3	0,410	-	-	-
1.3.14	Lắp dựng gỗ ván sàn công tác	m3	0,702	-	-	-
1.3.15	Tháo dỡ gỗ ván sàn công tác	m3	0,702	-	-	-
1.3.16	* Thi công trụ T1+T2: Đào móng đất cấp 3 bằng máy đào	m3	66,400	-	31,340	31,340
1.3.17	Đào móng đá cấp 3 bằng máy đào	m3	36,170	-	14,920	14,920
1.3.18	Bê tông 20MPa đá 2x4 bù hồ móng	m3	4,310	-	1,470	1,470
1.3.19	Lắp đặt hồ móng K90	m3	47,460	-	21,270	21,270
1.3.20	Xúc đá lên ô tô vận chuyển	m3	36,170	-	14,920	14,920
1.3.21	Vận chuyển đá đổ đi, cự ly 2km	m3	36,170	-	14,920	14,920
1.3.22	Lắp dựng đà giáo thi công trụ	Tấn	12,314	-	-	-
1.3.23	Tháo dỡ đà giáo thi công trụ	Tấn	12,314	-	-	-
1.3.24	Gia công thép tấm chôn sẵn trong bê tông	Tấn	0,126	-	-	-
1.3.25	Lắp đặt thép tấm chôn trong bê tông	Tấn	0,126	-	-	-
1.3.26	Cốt thép neo d=16mm	Tấn	0,025	-	-	-
1.3.27	Lắp dựng gỗ ván sàn công tác	m3	0,820	-	-	-
1.3.28	Tháo dỡ gỗ ván sàn công tác	m3	0,820	-	-	-
1.3.29	* Thi công bản mặt cầu: Sản xuất đà giáo thi công (SX 1 bộ/nhịp, LC 3 lần)	Tấn	3,493	-	-	-
1.3.30	Lắp dựng đà giáo (tính 3 nhịp)	Tấn	10,480	-	-	-
1.3.31	Tháo dỡ đà giáo (tính 3 nhịp)	Tấn	10,480	-	-	-
1.3.32	Gia công thép hình chôn sẵn trong bê tông	Tấn	0,333	-	-	-
1.3.33	Lắp đặt thép hình chôn trong bê tông	Tấn	0,333	-	-	-
2	Nền, mặt đường					
2.1	* Nền đường					
2.1.1	Đắp đất nền đường K95	m3	3.538,464	-	-	-
2.1.2	Đào nền đường đất cấp 3 bằng máy đào	m3	8.047,933	-	-	-
2.1.3	Đào khuôn đường đất cấp 3 bằng máy đào	m3	36,017	-	-	-
2.1.4	Đào rãnh đất cấp 3 bằng máy đào	m3	160,781	-	-	-
2.1.5	Đánh cấp đất cấp 3 bằng máy đào	m3	111,511	-	-	-
2.1.6	Vận chuyển đất điều phối bằng ô tô tự đổ, Phạm vi <=300m, ô tô 10T, Đất cấp 3	m3	4.196,983	-	-	-
2.1.7	Vận chuyển đất đổ đi bằng ô tô tự đổ, Cự ly ≤1000m, ô tô 10T, Đất cấp 3	m3	4.159,258	-	-	-
2.1.8	Vét hữu cơ bằng máy đào	m3	323,423	-	-	-
2.1.9	Vận chuyển đất đổ đi bằng ô tô tự đổ, Cự ly ≤700m, ô tô 10T, Đất cấp 1	m3	323,423	-	-	-
2.1.10	Lu lên nền đường K95	m2	1.025,616	-	-	-
2.2	* Mặt đường					
2.2.1	Bê tông mặt đường M300 đá 1x2 dày 22cm	m3	91,535	-	-	-
2.2.2	Ván khuôn mặt đường bê tông	m2	45,751	-	-	-
2.2.3	Lót giấy dầu chống thấm	m2	416,068	-	-	-
2.2.4	Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 dày 18cm	m3	74,892	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
2.2.5	Cốt thép truyền lực khe co d=28mm	Tấn	0,495	-	-	-
2.2.6	Cốt thép truyền lực khe dọc d=14mm	Tấn	0,059	-	-	-
2.2.7	Cắt khe	m	182,390	-	-	-
2.3	* Gia cố taluy					
2.3.1	Bê tông M150 đá 2x4 gia cố mái taluy	m3	79,683	-	-	-
2.3.2	Lót nilong	m2	531,218	-	-	-
2.3.3	Bê tông M150 đá 4x6 chân khay - loại 1	m3	41,600	-	-	-
2.3.4	Ván khuôn chân khay - loại 1	m2	208,000	-	-	-
2.3.5	Dầm sạt dẹt dày 10cm - loại 1	m3	4,160	-	-	-
2.3.6	Bê tông M150 đá 4x6 chân khay - loại 2	m3	37,450	-	-	-
2.3.7	Ván khuôn chân khay - loại 2	m2	64,862	-	-	-
2.3.8	Dầm sạt dẹt dày 10cm - loại 2	m3	1,911	-	-	-
2.3.9	Đào đất cấp 3	m3	258,550	-	-	-
2.3.10	Đắp đất K95	m3	193,837	-	-	-
2.4	* Gia cố rãnh					
2.4.1	Bê tông gia cố rãnh M150 đá 2x4 dày 15cm	m3	13,750	-	-	-
2.4.2	Ván khuôn rãnh dọc	m2	62,700	-	-	-
2.4.3	Lót nilong	m2	89,650	-	-	-
2.4.4	Lắp đặt ống cống D60cm; L=4m	Ống	1,000	-	-	-
2.5	* Cọc tiêu					
2.5.1	Bê tông M250 đá 1x2 thân cọc tiêu	m3	1,073	-	-	-
2.5.2	Bê tông M150 đá 2x4 móng cọc tiêu	m3	2,420	-	-	-
2.5.3	Cốt thép cọc tiêu d=8mm	Tấn	0,069	-	-	-
2.5.4	Cốt thép cọc tiêu d=14mm	Tấn	0,242	-	-	-
2.5.5	Sơn cọc tiêu	m2	18,864	-	-	-
2.5.6	Ván khuôn thân cọc tiêu	m2	15,963	-	-	-
2.5.7	Ván khuôn móng cọc tiêu	m2	28,160	-	-	-
2.5.8	Dán màng phản quang	m2	0,880	-	-	-
2.5.9	Đào đất cấp 3	m3	7,040	-	-	-
2.5.10	Đắp đất K95	m3	4,224	-	-	-
2.5.11	Lát đặt cọc tiêu, G≤75kg	Cọc	44,000	-	-	-
2.6	* Biển báo					
2.6.1	Lắp đặt cột 3.1m và 1 biển tam giác A90cm	Cái	4,000	-	-	-
2.6.2	Lắp đặt cột 4.0m và 2 biển tam giác A90cm	Cái	2,000	-	-	-
2.6.3	Bê tông móng M150 đá 2x4	m3	1,165	-	-	-
2.6.4	Dầm sạt dẹt	m3	0,216	-	-	-
2.6.5	Cốt thép chống xoay d=14mm	Tấn	0,007	-	-	-
2.6.6	Đào đất cấp 3	m3	1,296	-	-	-
2.7	* Hệ lan mềm					
2.7.1	Lắp đặt hệ lan mềm	m	48,000	-	-	-
2.7.2	Tấm sóng (2320x310x3)mm	Tấm	24,000	-	-	-
2.7.3	Tấm sóng (784x310x3)mm	Tấm	4,000	-	-	-
2.7.4	Tấm sóng (700x310x3)mm	Tấm	4,000	-	-	-
2.7.5	Cốt thép ống D141,3x4,5x1750mm	Cột	24,000	-	-	-
2.7.6	Cốt thép ống D141,3x4,5x1300mm	Cột	4,000	-	-	-
2.7.7	Bản dẹt 420x100x5mm	Cái	28,000	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
2.7.8	Tiêu phản quang tam giác KT(70x50x65x40)mm	Cái	28,000	-	-	-
2.7.9	Bu lông M16x35	Cái	280,000	-	-	-
2.7.10	Bu lông M20x180	Cái	28,000	-	-	-
2.7.11	Tiêu phản quang dạng tròn D140	Cái	28,000	-	-	-
2.7.12	Đường hàn dày 3mm	m	2,800	-	-	-
2.7.13	Bê tông móng M200 đá 1x2	m3	5,600	-	-	-
2.7.14	Ván khuôn	m2	44,800	-	-	-
3	Cống thoát nước ngang					
3.1	A. Cổng tròn D100cm					
3.1.1	* Thân cống: Lắp đặt ống cống D100cm; L=1m	Ống	14,000	-	-	-
3.1.2	Bê tông M200 đá 1x2 ống cống	m3	4,900	-	-	-
3.1.3	Ván khuôn ống cống	m2	96,761	-	-	-
3.1.4	Bê tông M150 đá 4x6 móng cống	m3	6,054	-	-	-
3.1.5	Ván khuôn móng cống	m2	12,108	-	-	-
3.1.6	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	1,493	-	-	-
3.1.7	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm	m2	52,779	-	-	-
3.1.8	Làm mới nối ống bê tông D100cm	m.nối	12,000	-	-	-
3.1.9	Cốt thép ống cống d=6mm	Tấn	0,122	-	-	-
3.1.10	Cốt thép ống cống d=10mm	Tấn	0,398	-	-	-
3.1.11	* Thượng lưu hồ thu: Bê tông M150 đá 2x4 thân hồ thu	m3	3,033	-	-	-
3.1.12	Bê tông M150 đá 4x6 móng hồ thu	m3	0,972	-	-	-
3.1.13	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	0,324	-	-	-
3.1.14	Ván khuôn thân hồ thu	m2	20,398	-	-	-
3.1.15	Ván khuôn móng hồ thu	m2	2,160	-	-	-
3.1.16	* Thượng lưu tường đầu tường cánh: Bê tông M150 đá 2x4 thân tường đầu	m3	0,975	-	-	-
3.1.17	Bê tông M150 đá 4x6 móng tường đầu	m3	1,569	-	-	-
3.1.18	Bê tông M150 đá 2x4 thân tường cánh	m3	0,955	-	-	-
3.1.19	Bê tông M150 đá 4x6 sân cống	m3	0,902	-	-	-
3.1.20	Bê tông M150 đá 4x6 chân khay sân cống	m3	1,858	-	-	-
3.1.21	Bê tông M150 đá 4x6 sân gia cố	m3	1,963	-	-	-
3.1.22	Bê tông M150 đá 4x6 chân khay sân gia cố	m3	1,968	-	-	-
3.1.23	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	1,597	-	-	-
3.1.24	Ván khuôn thân tường đầu, tường cánh	m2	10,539	-	-	-
3.1.25	Ván khuôn móng tường đầu, tường cánh, sân cống	m2	27,804	-	-	-
3.1.26	* Hạ lưu tường đầu tường cánh: Bê tông M150 đá 2x4 thân tường đầu	m3	1,696	-	-	-
3.1.27	Bê tông M150 đá 4x6 móng tường đầu	m3	2,883	-	-	-
3.1.28	Bê tông M150 đá 2x4 thân tường cánh	m3	1,742	-	-	-
3.1.29	Bê tông M150 đá 4x6 sân cống	m3	1,620	-	-	-
3.1.30	Bê tông M150 đá 4x6 chân khay sân cống	m3	3,260	-	-	-
3.1.31	Bê tông M150 đá 4x6 sân gia cố	m3	3,725	-	-	-
3.1.32	Bê tông M150 đá 4x6 chân khay sân gia cố	m3	3,436	-	-	-
3.1.33	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	2,929	-	-	-
3.1.34	Ván khuôn thân tường đầu, tường cánh	m2	18,848	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lấy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lấy kế đến hết kỳ này
3.1.35	Ván khuôn móng tường đầu, tường cánh, sân công	m2	49,484	-	-	-
3.1.36	* Hạng mục khác: Đào đất cấp 3	m3	222,836	-	-	-
3.1.37	Đắp đất K95	m3	55,709	-	-	-
3.1.38	Đắp đất K95 mang công	m3	39,087	-	-	-
3.2	B. Cổng hộp					
3.2.1	* Thân cổng đổ tại chỗ: Bê tông 25MPa đá 1x2 thân cổng	m3	40,532	-	-	-
3.2.2	Bê tông 25MPa đá 1x2 chân khay	m3	2,016	-	-	-
3.2.3	Bê tông 25MPa đá 1x2 gờ chắn	m3	0,893	-	-	-
3.2.4	Ván khuôn thân cổng	m2	171,024	-	-	-
3.2.5	Ván khuôn chân khay	m2	11,200	-	-	-
3.2.6	Ván khuôn gờ chắn	m2	4,960	-	-	-
3.2.7	Bê tông lót 8MPa đá 4x6 dày 20cm	m3	6,696	-	-	-
3.2.8	Ván khuôn bê tông lót	m2	3,720	-	-	-
3.2.9	Cốt thép d=10mm	Tấn	0,132	-	-	-
3.2.10	Cốt thép d=14mm	Tấn	1,994	-	-	-
3.2.11	Cốt thép d=18mm	Tấn	0,795	-	-	-
3.2.12	Cốt thép d=20mm	Tấn	4,192	-	-	-
3.2.13	Quét nhựa nóng 2 lớp chống thấm	m2	109,080	-	-	-
3.2.14	Đắp cát hạt thô K95 thân cổng	m3	230,078	-	-	-
3.2.15	* Thượng lưu: Bê tông 12MPa đá 2x4 thân tường đầu	m3	4,527	-	-	-
3.2.16	Ván khuôn thân tường đầu	m2	13,914	-	-	-
3.2.17	Bê tông 12MPa đá 4x6 móng tường đầu	m3	3,405	-	-	-
3.2.18	Ván khuôn móng tường đầu	m2	10,540	-	-	-
3.2.19	Bê tông 12MPa đá 2x4 thân tường cánh	m3	12,921	-	-	-
3.2.20	Ván khuôn thân tường cánh	m2	38,896	-	-	-
3.2.21	Bê tông 12MPa đá 4x6 móng t/cánh, sân công, sân gia cố	m3	20,793	-	-	-
3.2.22	Ván khuôn móng tường cánh, sân công, sân gia cố	m2	23,260	-	-	-
3.2.23	Bê tông 12MPa đá 4x6 chân khay	m3	10,434	-	-	-
3.2.24	Ván khuôn chân khay	m2	46,440	-	-	-
3.2.25	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	5,793	-	-	-
3.2.26	* Hạ lưu: Bê tông 12MPa đá 2x4 thân tường đầu	m3	4,527	-	-	-
3.2.27	Ván khuôn thân tường đầu	m2	13,914	-	-	-
3.2.28	Bê tông 12MPa đá 4x6 móng tường đầu	m3	3,405	-	-	-
3.2.29	Ván khuôn móng tường đầu	m2	10,540	-	-	-
3.2.30	Bê tông 12MPa đá 2x4 thân tường cánh	m3	12,921	-	-	-
3.2.31	Ván khuôn thân tường cánh	m2	38,896	-	-	-
3.2.32	Bê tông 12MPa đá 4x6 móng t/cánh, sân công, sân gia cố	m3	23,685	-	-	-
3.2.33	Ván khuôn móng tường cánh, sân công, sân gia cố	m2	23,860	-	-	-
3.2.34	Bê tông 12MPa đá 4x6 chân khay	m3	10,434	-	-	-
3.2.35	Ván khuôn chân khay	m2	46,440	-	-	-
3.2.36	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	5,793	-	-	-
3.2.37	* Gia cố mái taluy: Bê tông 12MPa đá 2x4 gia cố mái taluy	m3	30,715	-	-	-

Stt	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			
			Khối lượng theo Hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
3.2.38	Bê tông 12MPa đá 4x6 chân khay	m3	6,200	-	-	-
3.2.39	Ván khuôn chân khay	m2	32,600	-	-	-
3.2.40	Lót ni lông	m2	204,768	-	-	-
3.2.41	Cấp phối đá dăm Dmax37.5 đệm móng	m3	1,080	-	-	-
3.2.42	* Hạng mục khác: Rọ đá KT(2x1x0.5)m	Rọ	10,000	-	-	-
3.2.43	Đào đất cấp 3	m3	164,763	-	-	-
3.2.44	Đắp đất K95	m3	41,191	-	-	-
3.2.45	* Mặt đường trên công: Bê tông mặt đường M300 đá 1x2 dày 22cm	m3	16,082	-	-	-
3.2.46	Ván khuôn mặt đường bê tông	m2	11,220	-	-	-
3.2.47	Lót giấy dầu chống thấm	m2	73,100	-	-	-
3.2.48	Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 dày 18cm	m3	13,158	-	-	-

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

Trần Nguyễn Hà



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

GIÁM ĐỐC
Trình Hùng Vương



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Linh Vỹ

